

Số: 06/KH-MNMT

Minh Thái, ngày 28 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026 - 2027

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Điều lệ trường mầm non ban hành;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

Căn cứ Quyết định số 3032/QĐ-UBND ngày 14 tháng 08 năm 2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình;

Công văn số 3916/SGDĐT- GDMN ngày 23/09/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2026-2027;

Công văn số 1146/UBND-VHXXH ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Minh Thái về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027.

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH- MNMT, ngày 25 tháng 9 năm 2026 về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027 của trường Mầm non Minh Thái;

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường;

Trường Mầm non Minh Thái xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2026-2027 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô nhóm, lớp

Năm học 2026-2027, toàn trường có 31 nhóm, lớp dự kiến huy động: 829 trẻ, trong đó:

Nhà trẻ 24-36 tháng tuổi: 7 nhóm, 192 trẻ;

Mẫu giáo 3-4 tuổi: 8 lớp, 211 trẻ;

Mẫu giáo 4-5 tuổi: 8 lớp, 191 trẻ;

Mẫu giáo 5-6 tuổi: 8 lớp, 235 trẻ.

Nhà trường thực hiện huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, duy trì sĩ số, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo quy định; phấn đấu nâng cao tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ và duy trì tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo.

*** Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Sau sáp nhập, toàn trường có 3 cán bộ quản lý, 58 giáo viên và 2 nhân viên. Đội ngũ cơ bản có tinh thần trách nhiệm, có ý thức đoàn kết, phối hợp thực hiện nhiệm vụ chung của nhà trường. Việc sắp xếp, phân công nhiệm vụ được thực hiện theo vị trí việc làm, năng lực chuyên môn và điều kiện thực tế tại từng cơ sở, điểm trường.

Nhà trường chú trọng xây dựng đội ngũ đoàn kết, thống nhất; tăng cường sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm giữa cán bộ, giáo viên, nhân viên của các đơn vị trước khi sáp nhập; tạo điều kiện để đội ngũ thích ứng với mô hình tổ chức mới và nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

3. Các điều kiện để thực hiện chương trình

Sau sáp nhập, nhà trường quản lý và sử dụng hệ thống cơ sở vật chất tại trụ sở chính, phân hiệu và các điểm trường. Nhìn chung, các cơ sở, điểm trường cơ bản có đủ phòng học để tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; tuy nhiên, cơ sở vật chất, trang thiết bị giữa các cơ sở chưa đồng đều, một số hạng mục còn thiếu, xuống cấp và cần được sửa chữa, cải tạo, bổ sung.

Trụ sở chính - Tiên Tiến có 08 phòng học, 05 phòng chức năng; Phân hiệu Trục Thắng có 11 phòng học, 09 phòng chức năng; Điểm trường Tiên Phong có 08 phòng học, 02 phòng chức năng; Điểm trường Vạn Thắng có 04 phòng học, chưa có phòng chức năng. Một số phòng học, phòng chức năng, khu vực bếp ăn và các hạng mục phụ trợ tại các cơ sở, điểm trường đã sử dụng trong thời gian dài, có dấu hiệu xuống cấp, cần được sửa chữa, cải tạo, chống thấm và bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học phục vụ các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Cơ sở mới đang trong quá trình hoàn thiện, chưa đưa vào sử dụng. Nhà trường tiếp tục theo dõi, phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình hoàn thiện, đồng thời rà soát các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, an toàn, vệ sinh môi trường và các điều kiện cần thiết khác để sẵn sàng đưa vào sử dụng khi bảo đảm đủ điều kiện theo quy định.

Trang thiết bị, đồ dùng – đồ chơi – học liệu: Được đầu tư, bổ sung hàng năm, đảm bảo theo danh mục tối thiểu; khuyến khích tự làm đồ dùng, đồ chơi từ nguyên vật liệu sẵn có, thân thiện môi trường.

Công tác bán trú: Bếp ăn được tổ chức theo quy trình bếp một chiều, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; khẩu phần ăn cân đối, hợp lý theo độ tuổi.

Công tác y tế học đường: Thực hiện tốt công tác theo dõi sức khỏe định kỳ, phòng chống bệnh học đường, chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho trẻ.

Môi trường giáo dục: Được xây dựng theo hướng “Mở, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm”, khuyến khích trẻ tích cực, sáng tạo trong hoạt động vui chơi và học tập.

4. Đánh giá chung

a) Thuận lợi

Nhà trường nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Minh Thái; sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể địa phương và sự đồng hành của cha mẹ trẻ trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Trường Mầm non Minh Thái được hình thành trên cơ sở kế thừa những kết quả, kinh nghiệm và truyền thống của Trường Mầm non Trục Thái và Trường Mầm non Trục Thắng; đây là nền tảng thuận lợi để nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, có ý thức đoàn kết, phối hợp và sẵn sàng thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong mô hình trường mới.

Quy mô nhà trường được mở rộng, tạo điều kiện tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, khai thác hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nguồn lực giữa các cơ sở, điểm trường.

Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của các trường trước sáp nhập cơ bản ổn định; nhiều hoạt động đổi mới giáo dục, trải nghiệm, ứng dụng công nghệ thông tin, giáo dục kỹ năng sống và phối hợp với cha mẹ trẻ đã được triển khai có hiệu quả.

Nhà trường có điều kiện tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, đồng thời xây dựng môi trường giáo dục thống nhất, an toàn, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm trong toàn trường.

b. Khó khăn

Nhà trường mới được thành lập sau sáp nhập, có nhiều cơ sở, điểm trường nên công tác quản lý, điều hành, phối hợp và tổ chức các hoạt động cần có thời gian để ổn định và thống nhất.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên được hình thành từ hai đơn vị trước sáp nhập, trình độ, kinh nghiệm và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin chưa thật đồng đều; cần tiếp tục bồi dưỡng, chia sẻ và thống nhất phương pháp thực hiện nhiệm vụ.

Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị giữa các cơ sở, điểm trường chưa đồng đều; một số phòng chức năng còn thiếu, một số hạng mục cần sửa chữa, cải tạo, bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Việc tổ chức công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại nhiều cơ sở, điểm trường đòi hỏi nhà trường phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thống nhất quy trình và nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân.

Công tác huy động nguồn lực xã hội để đầu tư, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi còn gặp khó khăn;

Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ còn chưa cao; công tác tuyên truyền, vận động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp cần tiếp tục được quan tâm.

Một bộ phận cha mẹ trẻ chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của giáo dục mầm non và chưa thường xuyên phối hợp với nhà trường trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Việc xây dựng một nền nếp, văn hóa và phương thức làm việc thống nhất trong toàn trường sau sáp nhập là nhiệm vụ cần được quan tâm trong năm học đầu tiên.

Nhân viên chưa đủ theo vị trí việc làm, nhân viên y tế tăng cường 2 ngày trên tuần nên còn gặp nhiều khó khăn trong công tác theo dõi cân đo, chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM HỌC 2026-2027

Căn cứ vào nhiệm vụ năm học do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình, UBND xã Minh Thái triển khai; căn cứ vào tình hình thực tiễn của nhà trường, đội ngũ và đặc

điểm của trẻ, Trường Mầm non Minh Thái xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ năm học 2026–2027 như sau:

1. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học

Nhiệm vụ:

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non và các nhiệm vụ năm học 2026–2027; bảo đảm sự thống nhất trong quản lý, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại trụ sở chính Tiên Tiến, Phân hiệu Trục Thắng, Điểm trường Tiên Phong và Điểm trường Vạn Thắng.

Nâng cao trách nhiệm của cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên, nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao; tăng cường kỷ cương, nề nếp, tinh thần chủ động, phối hợp và trách nhiệm nghề nghiệp. Tập trung khắc phục những khó khăn, bất cập sau sáp nhập, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động đồng đều giữa các cơ sở, điểm trường.

Giải pháp:

Xây dựng và triển khai kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thống nhất trong toàn trường; cụ thể hóa nhiệm vụ thành kế hoạch của từng bộ phận, tổ chuyên môn, nhóm, lớp và từng địa điểm trường.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm, năng lực chuyên môn và điều kiện thực tế; xác định rõ trách nhiệm cá nhân, thời gian hoàn thành và kết quả cần đạt.

Phát huy vai trò của Ban giám hiệu trong quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ chuyên môn; tăng cường phối hợp giữa cán bộ quản lý phụ trách chuyên môn, nuôi dưỡng, các tổ chuyên môn và trường khu.

Duy trì chế độ giao ban, sinh hoạt chuyên môn, trao đổi thông tin giữa các địa điểm trường; kịp thời tháo gỡ khó khăn, thống nhất biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Đổi mới công tác kiểm tra nội bộ theo hướng tư vấn, hỗ trợ, phát hiện hạn chế và đề xuất giải pháp khắc phục; đánh giá dựa trên chất lượng thực hiện nhiệm vụ và sự tiến bộ thực tế của trẻ.

Thực hiện nghiêm quy chế dân chủ, công khai, minh bạch trong các hoạt động của nhà trường; phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, xây dựng môi trường làm việc tích cực, hiệu quả.

2. Bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ

Nhiệm vụ:

Bảo đảm 100% trẻ được an toàn về thể chất và tinh thần trong thời gian ở trường; không để xảy ra bạo hành, xâm hại trẻ em, tai nạn thương tích nghiêm trọng do lỗi chủ

quan của nhà trường. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, tôn trọng trẻ; nâng cao trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong công tác phòng ngừa và xử lý các nguy cơ mất an toàn.

Giải pháp:

Xây dựng và thực hiện nghiêm kế hoạch bảo đảm an toàn trường học; tổ chức rà soát cơ sở vật chất, phòng học, sân chơi, đồ dùng, đồ chơi, hệ thống điện, nước, khu vệ sinh, bếp ăn và các khu vực có nguy cơ mất an toàn tại cả 4 địa điểm trường.

Chủ động phát hiện, khắc phục những tồn tại về cơ sở vật chất, thiết bị và môi trường giáo dục; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa chữa, xử lý các hạng mục không bảo đảm an toàn trước khi đưa vào sử dụng.

Thực hiện nghiêm quy trình đón, trả trẻ; kiểm soát người ra vào trường, lớp; quản lý chặt chẽ sĩ số, việc bàn giao trẻ và các hoạt động của trẻ trong suốt thời gian ở trường.

Tăng cường giáo dục trẻ kỹ năng tự bảo vệ, phòng tránh tai nạn thương tích, cháy nổ, đuối nước, tai nạn giao thông và các nguy cơ mất an toàn khác thông qua các hoạt động hằng ngày, phù hợp với từng độ tuổi.

Thực hiện nghiêm quy định về phòng cháy, chữa cháy; kiểm tra phương tiện, điều kiện an toàn và tổ chức hướng dẫn, thực hành phương án xử lý tình huống khẩn cấp phù hợp với điều kiện từng địa điểm trường.

Nâng cao đạo đức nhà giáo, thực hiện quy tắc ứng xử; tuyệt đối không sử dụng các hình thức bạo lực, xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc gây tổn thương về thể chất, tinh thần cho trẻ.

Tăng cường kiểm tra nội bộ, phối hợp với cha mẹ trẻ và chính quyền địa phương trong phòng, chống tai nạn thương tích, bạo hành, xâm hại trẻ em; kịp thời xử lý, báo cáo các tình huống phát sinh theo quy định.

3. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn thực phẩm

Nhiệm vụ:

Duy trì 100% trẻ được tổ chức ăn bán trú; bảo đảm chất lượng bữa ăn, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo độ tuổi và tình trạng sức khỏe của trẻ. Thực hiện nghiêm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, theo dõi sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng; phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, kiểm soát tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì so với đầu năm học.

Giải pháp:

Xây dựng và triển khai kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe thống nhất trong toàn trường; phân công rõ trách nhiệm của Ban giám hiệu, kế toán, thủ quỹ, giáo viên phụ trách nuôi dưỡng, nhân viên nuôi dưỡng và các cá nhân liên quan.

Thực hiện nghiêm quy trình giao nhận, kiểm tra chất lượng và nguồn gốc thực phẩm; lựa chọn, kiểm soát nhà cung cấp theo quy định, bảo đảm thực phẩm tươi, sạch, có nguồn gốc rõ ràng và đáp ứng yêu cầu an toàn.

Tổ chức thực hiện đúng quy trình bếp ăn một chiều, kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn; bảo đảm vệ sinh dụng cụ, trang thiết bị, khu vực chế biến, chia ăn và vận chuyển thức ăn đến các nhóm, lớp.

Xây dựng thực đơn khoa học, đa dạng, thay đổi theo mùa; tính toán khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, cân đối các nhóm chất dinh dưỡng, bảo đảm công khai, minh bạch các khoản thu, chi phục vụ công tác bán trú.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác giao nhận thực phẩm, chế biến, chia ăn và tổ chức cho trẻ ăn tại 4 địa điểm trường; phát huy vai trò của Ban giám hiệu, trưởng khu, kế toán, thủ quỹ, giáo viên và đại diện cha mẹ trẻ trong giám sát chất lượng bữa ăn.

Tổ chức cân, đo, theo dõi biểu đồ tăng trưởng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo quy định; lập danh sách trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân, béo phì để phối hợp với gia đình xây dựng biện pháp chăm sóc phù hợp.

Thực hiện tốt công tác y tế trường học, vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, khu vệ sinh và nguồn nước; chủ động phát hiện, phối hợp xử lý các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm.

Giáo dục trẻ hình thành thói quen ăn uống hợp lý, rửa tay, vệ sinh răng miệng, giữ gìn vệ sinh cá nhân và kỹ năng tự phục vụ phù hợp với lứa tuổi.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong tính khẩu phần, quản lý tiền ăn, theo dõi sức khỏe và lưu trữ hồ sơ; bảo đảm số liệu chính xác, thống nhất, phục vụ hiệu quả công tác quản lý.

4. Thực hiện có chất lượng Chương trình giáo dục mầm non, đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục

Nhiệm vụ:

Thực hiện đúng, đủ nội dung Chương trình giáo dục mầm non theo quy định; bảo đảm 100% nhóm, lớp xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với độ tuổi, khả năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Tiếp tục thực hiện quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường học thông qua chơi, thực hành, trải nghiệm; chú trọng sự phát triển toàn diện của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

Giải pháp:

Chỉ đạo giáo viên rà soát, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề và kế hoạch giáo dục hằng ngày phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ, điều kiện cơ sở vật chất và môi trường giáo dục tại từng địa điểm trường.

Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ; tạo cơ hội để trẻ được lựa chọn, khám phá, thực hành, giao tiếp, hợp tác và giải quyết các tình huống đơn giản.

Đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động trong lớp, ngoài trời, theo nhóm nhỏ và cá nhân; khai thác hiệu quả sân chơi, khu vực thiên nhiên, góc trải nghiệm và học liệu sẵn có.

Tăng cường quan sát, theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ; sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động phù hợp với từng trẻ, đặc biệt quan tâm trẻ có khó khăn trong phát triển hoặc cần hỗ trợ.

Thực hiện nghiêm quy định không dạy trước chương trình lớp Một, không gây áp lực học tập cho trẻ; bảo đảm các hoạt động giáo dục nhẹ nhàng, phù hợp đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi mầm non.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; tăng cường dự giờ, trao đổi, phân tích hoạt động dựa trên sự tham gia, cảm xúc, nhu cầu và tiến bộ của trẻ.

Tăng cường phối hợp giữa cán bộ quản lý phụ trách chuyên môn, tổ chuyên môn và giáo viên các địa điểm trường; hỗ trợ giáo viên tháo gỡ khó khăn, chia sẻ kinh nghiệm, từng bước nâng cao chất lượng thực hiện chương trình đồng đều trong toàn trường.

5. Tăng cường các nội dung giáo dục trọng tâm, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non

5.1. Triển khai chuyên đề “Tăng cường giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa quê hương”

a) Nhiệm vụ

100% nhóm, lớp triển khai chuyên đề phù hợp với độ tuổi, gắn với điều kiện thực tế của Trường Mầm non Minh Thái và đặc trưng văn hóa, lịch sử, đời sống của địa phương sau sáp nhập. Chú trọng khai thác các di tích lịch sử, địa danh tiêu biểu như Đền Trần, Chùa Nam Quất Tự, Bia khởi nghĩa, Đài Chiến Thắng; các không gian văn hóa, sinh hoạt cộng đồng như Chợ Cát Hạ, chợ Trục Thái cùng những nét đẹp trong phong tục, tập quán, nghề nghiệp, sản vật và đời sống của nhân dân địa phương.

Thông qua các hoạt động khám phá, trải nghiệm phù hợp với lứa tuổi, giúp trẻ bước đầu nhận biết những nét đặc trưng của quê hương Minh Thái; hình thành tình yêu gia đình, quê hương, trường lớp, lòng biết ơn đối với các thế hệ đi trước, ý thức giữ gìn di tích lịch sử, bản sắc văn hóa và môi trường sống xung quanh.

b) Giải pháp

Xây dựng kế hoạch triển khai chuyên đề thống nhất trong toàn trường; chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên lựa chọn nội dung phù hợp với từng độ tuổi, điều kiện cơ sở vật chất và đặc điểm văn hóa của khu vực Tiền Tiến, Trục Thắng, Tiền Phong, Vạn Thắng; bảo đảm mỗi trẻ đều có cơ hội được khám phá, trải nghiệm văn hóa quê hương.

Tổ chức cho trẻ tìm hiểu các di tích lịch sử, địa danh tiêu biểu của xã Minh Thái thông qua tranh ảnh, video, câu chuyện kể, tư liệu phù hợp về Đền Trần, Chùa Nam Quất Tự, Bia khởi nghĩa, Đài Chiến Thắng. Giáo viên lựa chọn cách giới thiệu nhẹ nhàng, dễ hiểu, giúp trẻ nhận biết tên gọi, hình ảnh, ý nghĩa gần gũi của các địa danh; giáo dục trẻ biết kính trọng, biết ơn các thế hệ đi trước, có ý thức giữ gìn cảnh quan và những nơi có giá trị lịch sử, văn hóa.

Khai thác các không gian sinh hoạt, giao lưu văn hóa của địa phương như Chợ Cát Hạ, chợ Trục Thái để tổ chức hoạt động khám phá nghề nghiệp, hàng hóa, sản vật, hoạt động mua bán và giao tiếp trong cộng đồng. Tạo cơ hội cho trẻ đóng vai người bán hàng, người mua hàng, thực hành giao tiếp lễ phép, nhận biết một số sản phẩm quen thuộc, bước đầu hình thành kỹ năng sống và hiểu biết về đời sống của người dân quê hương.

Tích hợp nội dung văn hóa quê hương vào các chủ đề giáo dục hằng ngày thông qua thơ, truyện, bài hát, tranh ảnh, trò chơi dân gian, hoạt động tạo hình, âm nhạc, khám phá khoa học và hoạt động góc. Khuyến khích trẻ vẽ tranh về quê hương, tạo hình các địa danh quen thuộc, xây dựng mô hình chợ quê, mô phỏng hoạt động cộng đồng và tham gia các trò chơi dân gian phù hợp với độ tuổi.

Tăng cường tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế tại khuôn viên trường và những địa điểm phù hợp, an toàn, thuận tiện. Tùy điều kiện của từng cơ sở, giáo viên lựa chọn hình thức trải nghiệm trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua hình ảnh, video, mô hình; trường hợp tổ chức cho trẻ tham quan di tích, địa danh phải xây dựng phương án cụ thể, có sự phối hợp với cha mẹ trẻ và các lực lượng liên quan, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ.

Gắn giáo dục văn hóa quê hương với việc hình thành hành vi, thói quen tốt cho trẻ như lễ phép với người lớn, đoàn kết với bạn bè, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, không vứt rác bừa bãi, biết chăm sóc cây xanh, bảo vệ cảnh quan và ứng xử phù hợp khi tham gia các hoạt động cộng đồng.

Phát huy vai trò phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong cung cấp tranh ảnh, tư liệu, câu chuyện, thông tin về các di tích, địa danh, nghề nghiệp và nét đẹp văn hóa của địa phương. Khuyến khích cha mẹ trẻ, người cao tuổi và những người am hiểu văn hóa địa phương tham gia chia sẻ, giới thiệu những nội dung phù hợp với trẻ; việc phối hợp tổ chức hoạt động phải bảo đảm tự nguyện, công khai, đúng quy định.

Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tập trung trao đổi cách lựa chọn nội dung, thiết kế hoạt động khám phá, trải nghiệm văn hóa quê hương phù hợp từng độ tuổi. Tăng cường dự giờ, chia sẻ học liệu, kinh nghiệm giữa giáo viên các địa điểm trường; lựa chọn những cách làm thiết thực, hiệu quả để vận dụng phù hợp trong toàn trường.

Tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chuyên đề thông qua mức độ tham gia, hứng thú, khả năng nhận biết, giao tiếp, thực hành và sự tiến bộ của trẻ; chú trọng những thay đổi trong nhận thức, tình cảm và hành vi của trẻ đối với quê hương. Không chạy theo hình thức, không đặt nặng sản phẩm hoặc yêu cầu trẻ ghi nhớ máy móc tên gọi, sự kiện lịch sử; bảo đảm nội dung giáo dục nhẹ nhàng, gần gũi, phù hợp đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi mầm non.

5.2. Một số chuyên đề khác thực hiện trong năm học

5.2.1. Thực hiện chuyên đề: “*Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm*”

a) Nhiệm vụ

Tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, trong đó mỗi trẻ đến trường đều cảm thấy an toàn, được tôn trọng, yêu thương, hạnh phúc.

Thực hiện giáo dục lấy trẻ làm trung tâm: mọi hoạt động giáo dục xuất phát từ nhu cầu, hứng thú, khả năng và thể mạnh riêng của từng trẻ.

Phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên thân thiện, tích cực, biết yêu thương và đồng hành cùng trẻ.

Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội để cùng chăm lo cho sự phát triển toàn diện của trẻ.

Nâng cao năng lực đội ngũ trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, hình thành giá trị sống, thói quen tốt cho trẻ.

b) Giải pháp

*** Xây dựng môi trường giáo dục hạnh phúc**

Bố trí, trang trí lớp học, khu vui chơi đảm bảo an toàn, sạch đẹp, gần gũi, khuyến khích sự sáng tạo của trẻ.

Tăng cường các góc mở, góc trải nghiệm, sân chơi vận động, vườn thiên nhiên, khu vui chơi ngoài trời để trẻ tự do khám phá.

Xây dựng “góc hạnh phúc” trong lớp: nơi trẻ được thể hiện cảm xúc, chia sẻ tình cảm, kết nối bạn bè.

*** Đổi mới phương pháp, lấy trẻ làm trung tâm**

Tổ chức các hoạt động học tập qua chơi, trải nghiệm thực tế, dự án nhỏ phù hợp lứa tuổi, ứng dụng mô hình GD tiên tiến Montessori, STEAM phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, của nhà trường, của nhóm lớp.

Khuyến khích trẻ bày tỏ ý kiến, tham gia vào quá trình xây dựng nội dung hoạt động (ví dụ: chọn trò chơi, chọn chủ đề trải nghiệm...).

Tôn trọng sự khác biệt của từng trẻ, có kế hoạch giáo dục phù hợp cho trẻ (Trẻ có năng khiếu, trẻ có nhu cầu đặc biệt).

*** Xây dựng đội ngũ hạnh phúc**

Phát động phong trào “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui” cho giáo viên, nhân viên.

Nâng cao đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm thân thiện, tích cực.

Thường xuyên tổ chức hoạt động chăm lo đời sống tinh thần, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

*** Tổ chức hoạt động giáo dục hạnh phúc cho trẻ**

Tổ chức ngày hội, ngày lễ, hoạt động ngoại khóa giàu ý nghĩa (Ngày hội đến trường, Trung thu, Tết Nguyên đán, Ngày hội thể thao, Bé khéo tay, Bé tài năng...).

Lồng ghép giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử qua các hoạt động hàng ngày.

Khuyến khích trẻ chia sẻ cảm xúc tích cực, biết yêu thương, giúp đỡ, đoàn kết với bạn bè.

*** Phối hợp với gia đình và cộng đồng**

Tăng cường tuyên truyền đến phụ huynh về “Xây dựng trường học hạnh phúc” thông qua họp phụ huynh, bảng tin, website, fanpage nhà trường.

Mời phụ huynh, cộng đồng cùng tham gia hoạt động trải nghiệm, chia sẻ nghề nghiệp, tổ chức sự kiện cho trẻ.

Phát huy vai trò Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc xây dựng các hoạt động “trường học hạnh phúc”.

*** Đánh giá và duy trì bền vững**

Thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng của trẻ, phụ huynh, giáo viên về môi trường “trường học hạnh phúc”.

Lấy phản hồi từ trẻ qua quan sát, trò chuyện để điều chỉnh hoạt động.

Nhân rộng các mô hình, điển hình lớp học hạnh phúc, giáo viên hạnh phúc trong toàn trường.

- Báo cáo kết quả triển khai Chuyên đề theo cuối năm học

5.2.2. Chuyên đề: Phòng chống bạo hành trẻ em:

a) Nhiệm vụ

Tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực, đảm bảo mọi trẻ được tôn trọng, yêu thương và bảo vệ.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh về quyền trẻ em, đặc biệt là quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức bạo hành, xâm hại.

Tổ chức các hoạt động giáo dục giúp trẻ biết tự bảo vệ, biết chia sẻ khi gặp nguy cơ bị bạo hành, biết tìm kiếm sự trợ giúp.

Xây dựng quy trình phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống liên quan đến bạo hành trẻ em trong và ngoài nhà trường.

b) Giải pháp

*** Nâng cao nhận thức, tập huấn cho đội ngũ**

Tổ chức tập huấn cho giáo viên, nhân viên về Luật Trẻ em 2016, Luật Giáo dục, các văn bản liên quan đến bảo vệ trẻ em.

Trang bị kỹ năng nhận diện dấu hiệu trẻ bị bạo hành (thể chất, tinh thần, tình dục, bỏ rơi, bỏ mặc).

Tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, xây dựng văn hóa ứng xử sư phạm tích cực, thân thiện, kiên nhẫn với trẻ.

*** Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện**

Xây dựng nội quy, quy tắc ứng xử trong nhà trường: nói lời hay, hành động đẹp, không la mắng, không trừng phạt thân thể trẻ.

Phát động phong trào thi đua “Trường học an toàn – Không bạo lực”.

Bố trí các góc lớp, sân chơi, nhà vệ sinh, bếp ăn đảm bảo an toàn, loại bỏ nguy cơ tai nạn, xâm hại.

*** Tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ**

Thông qua trò chơi, kể chuyện, tình huống thực hành đóng vai để dạy trẻ kỹ năng tự bảo vệ:

Nói “KHÔNG” với hành vi xâm hại – 5K:

- Không đi theo người lạ
- Không nhận quà của người lạ
- Không cho ai chạm vào vùng kín
- Không giữ bí mật khi bị xâm hại
- Kêu to - chạy ngay - tìm người giúp

Dạy trẻ tìm đến người đáng tin cậy để chia sẻ nếu trẻ bị bạo hành (cô giáo, bố mẹ, người thân trong gia đình).

Lồng ghép nội dung giáo dục quyền trẻ em, phòng chống bạo hành trong các hoạt động học, hoạt động trải nghiệm, sự kiện.

Dạy trẻ nhận diện cảm xúc (buồn, sợ hãi, lo lắng...) và cách bày tỏ với người lớn.

*** Phối hợp chặt chẽ với gia đình và cộng đồng**

Tuyên truyền cho cha mẹ học sinh về tác hại của bạo lực, khuyến khích dạy con bằng tình yêu thương, kỷ luật tích cực.

Hướng dẫn phụ huynh kỹ năng ứng xử với con: lắng nghe, đồng hành, không la mắng, không so sánh.

Phối hợp với chính quyền địa phương, công an, y tế, đoàn thể để kịp thời xử lý nếu có các vụ việc liên quan đến trẻ em.

*** Thiết lập quy trình phát hiện và xử lý bạo hành**

Đoàn thanh niên trong nhà trường có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ trẻ em, chịu trách nhiệm kết hợp với tổ chuyên môn, BGH nhà trường tiếp nhận, xử lý thông tin.

Có hộp thư góp ý, đường dây nóng để phụ huynh, trẻ em, giáo viên phản ánh kịp thời.

Nếu phát hiện dấu hiệu bạo hành trẻ: kịp thời báo cáo Ban giám hiệu, cơ quan chức năng, đồng thời phối hợp bảo vệ an toàn và hỗ trợ tâm lý cho trẻ.

*** Đánh giá và duy trì**

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định phòng chống bạo hành trong trường học.

Đưa tiêu chí “Không bạo hành trẻ em” vào đánh giá thi đua hàng năm của giáo viên, nhân viên.

Định kỳ lấy ý kiến phụ huynh, trẻ (thông qua trò chuyện, trao đổi trực tiếp, Zalo nhóm lớp...) để nắm bắt mức độ hài lòng và điều chỉnh biện pháp phòng ngừa.

5.2.3. Chuyên đề GD “Tôi yêu Việt Nam”:

a) Nhiệm vụ

Tổ chức cho trẻ làm quen, hình thành những kiến thức, kỹ năng ban đầu về an toàn giao thông, tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc.

Giáo dục trẻ các hành vi, thói quen văn minh trong cuộc sống hằng ngày: đi bộ đúng nơi quy định, đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, giữ gìn môi trường sạch đẹp.

Tích hợp nội dung chuyên đề trong các hoạt động học, hoạt động ngoài trời, hoạt động góc, hoạt động trải nghiệm, văn nghệ... một cách nhẹ nhàng, gần gũi, phù hợp với lứa tuổi.

Xây dựng môi trường giáo dục phong phú, giàu tính trải nghiệm giúp trẻ được quan sát, thực hành, rèn luyện kỹ năng, hình thành tình yêu quê hương, đất nước.

Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong việc tuyên truyền, giáo dục ATGT và tình yêu Tổ quốc cho trẻ.

b) Giải pháp

*** Về công tác chỉ đạo**

- Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch triển khai chuyên đề trong toàn trường; phân công cụ thể cho từng tổ, từng giáo viên phụ trách.

- Đưa nội dung chuyên đề vào kế hoạch tháng, gắn với các chủ đề giáo dục: “Bản thân”, “Gia đình”, “Quê hương - Đất nước - Bác Hồ”...

*** Về hoạt động giáo dục trẻ**

- Trong giờ học: Tích hợp kiến thức ATGT, tình yêu quê hương vào các môn: âm nhạc (hát về nội dung giao thông, quê hương đất nước, Bác Hồ, biển đảo...), văn học (kể chuyện, đọc thơ về ATGT, về quê hương), tạo hình (vẽ tranh, xé dán, tô màu PTGT, biển đảo, bản đồ Việt Nam, cờ Tổ quốc).

- **Hoạt động ngoài trời:** Tổ chức trò chơi giao thông (đèn xanh đèn đỏ, qua đường...), quan sát đường phố, biển báo giao thông gần trường.

- **Hoạt động góc:** Góc xây dựng (xây đường, cầu, bến xe), góc phân vai (làm chủ công an giao thông, bác tài xế, hành khách), góc nghệ thuật (vẽ biển báo, nặn phương tiện giao thông...).

- Hoạt động trải nghiệm:

+ Tổ chức “Ngày hội bé với an toàn giao thông”.

+ Tham quan trụ sở UBND xã, đài tưởng niệm liệt sĩ, đường làng quê hương.

+ Thi tìm hiểu về lá cờ Tổ quốc, bản đồ Việt Nam, biển đảo.

*** Xây dựng môi trường giáo dục**

- Trang trí lớp học, hành lang bằng tranh ảnh, khẩu hiệu về an toàn giao thông, tình yêu quê hương, đất nước.

- Bổ sung đồ dùng, học liệu tự làm phục vụ cho chuyên đề: mô hình phương tiện giao thông, biển báo, bản đồ Việt Nam, cờ Tổ quốc.

*** Công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh**

- Tổ chức họp phụ huynh, lồng ghép tuyên truyền kiến thức ATGT, ý thức bảo vệ môi trường, tình yêu quê hương đất nước.

- Khuyến khích phụ huynh cùng phối hợp rèn luyện cho trẻ thói quen đội mũ bảo hiểm, đi đúng phần đường, giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Kết hợp với các đoàn thể, cha mẹ trẻ tổ chức Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” với nội dung “Bé với ATGT”.

*** Công tác kiểm tra, đánh giá**

- Định kỳ kiểm tra việc thực hiện chuyên đề tại các lớp; kịp thời điều chỉnh, bổ sung biện pháp cho phù hợp.

- Tổ chức các hoạt động đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm cuối năm học.

- Khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt chuyên đề.

5.2.4. Chuyên đề: “Lồng ghép giáo dục dinh dưỡng và phát triển vận động cho trẻ mầm non”

a) Nhiệm vụ

- Tăng cường lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục dinh dưỡng và phát triển vận động vào các hoạt động hàng ngày của trẻ, đảm bảo tính tự nhiên, nhẹ nhàng, hiệu quả.
- Nâng cao nhận thức, kỹ năng cho giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng và phát triển vận động phù hợp với từng độ tuổi.
- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý, cân đối, khoa học cho trẻ theo quy định của Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT, góp phần nâng cao thể lực và sức khỏe cho trẻ.
- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong việc chăm sóc sức khỏe, hình thành thói quen ăn uống, sinh hoạt và rèn luyện vận động lành mạnh cho trẻ.
- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện chuyên đề nhằm duy trì hiệu quả, chất lượng bền vững.

b) Giải pháp

- Xây dựng kế hoạch cụ thể lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng và phát triển vận động vào các hoạt động giáo dục hằng ngày (hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, giờ ăn, giờ ngủ, vệ sinh cá nhân...).
- Tổ chức tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm cho giáo viên về phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục dinh dưỡng và phát triển vận động cho trẻ mầm non.
- Thiết kế, bổ sung các học liệu, đồ dùng, đồ chơi, tranh ảnh, video minh họa giúp trẻ hứng thú và dễ dàng tiếp thu kiến thức về dinh dưỡng, vận động.
- Thường xuyên tổ chức các ngày hội, ngày lễ, hoạt động trải nghiệm, trò chơi dân gian, thể dục sáng, bài tập phát triển vận động, góp phần hình thành thói quen vận động tích cực cho trẻ.
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện chuyên đề; biểu dương các tập thể, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong tổ chức thực hiện.
- Phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc chăm sóc, giáo dục dinh dưỡng và phát triển vận động cho trẻ tại gia đình, đảm bảo tính thống nhất giữa gia đình và nhà trường.

5.3. Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, khám phá khoa học và trải nghiệm thực tiễn**Nhiệm vụ:**

100% nhóm, lớp bước đầu vận dụng phù hợp phương thức giáo dục STEM/STEAM trong các hoạt động giáo dục hằng ngày; tạo cơ hội cho trẻ quan sát, đặt câu hỏi, dự đoán, thử nghiệm, sáng tạo, hợp tác và giải quyết vấn đề đơn giản theo khả năng.

Giải pháp:

Hướng dẫn giáo viên lựa chọn nội dung STEM/STEAM gần gũi với cuộc sống của trẻ, gắn với thiên nhiên, môi trường, đồ vật, nghề nghiệp và các tình huống thực tế.

Khai thác nguyên vật liệu tự nhiên, vật liệu tái sử dụng an toàn và đồ dùng sẵn có để tổ chức hoạt động khám phá, thực hành, sáng tạo; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với điều kiện từng điểm trường.

Tăng cường hoạt động trải nghiệm, khám phá khoa học, làm quen với toán, tìm hiểu môi trường xung quanh và các hoạt động tạo hình, âm nhạc có yếu tố tích hợp.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, trao đổi kinh nghiệm; khuyến khích giáo viên chia sẻ các hoạt động có hiệu quả, không yêu cầu sản phẩm phức tạp, không biến STEM/STEAM thành những tiết học riêng gây áp lực cho trẻ.

5.4. Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển thể chất và kỹ năng sống

Nhiệm vụ:

Bảo đảm 100% nhóm, lớp thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục phát triển thể chất theo Chương trình giáo dục mầm non; tổ chức hoạt động vận động hằng ngày phù hợp với độ tuổi, khả năng và tình trạng sức khỏe của trẻ. Chú trọng hình thành thói quen tốt, kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp, hợp tác, chia sẻ và bảo vệ bản thân.

Giải pháp:

Đa dạng hóa các hình thức vận động gồm thể dục sáng, hoạt động học phát triển thể chất, trò chơi vận động, vận động theo nhạc và hoạt động ngoài trời.

Khai thác sân chơi, cây xanh, khu vực thiên nhiên và các trò chơi dân gian phù hợp; kiểm tra thường xuyên dụng cụ, thiết bị vận động, bảo đảm an toàn cho trẻ.

Điều chỉnh mức độ, thời gian và hình thức vận động phù hợp với thể lực, tình trạng sức khỏe của từng trẻ; quan tâm trẻ sức khỏe yếu, trẻ thừa cân, béo phì và trẻ có nhu cầu hỗ trợ.

Lồng ghép giáo dục kỹ năng sống vào các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh, vui chơi và sinh hoạt hằng ngày; rèn cho trẻ thói quen tự phục vụ, giao tiếp lễ phép, chia sẻ, hợp tác, giữ gìn vệ sinh và xử lý một số tình huống đơn giản.

Tăng cường phối hợp với cha mẹ trẻ để thống nhất biện pháp chăm sóc sức khỏe, rèn luyện thể chất và kỹ năng sống cho trẻ tại gia đình và nhà trường.

5.5. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh khi đủ điều kiện

Nhiệm vụ:

Từng bước tạo điều kiện để trẻ mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh theo định hướng và quy định hiện hành, phù hợp độ tuổi, nhu cầu của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường; bảo đảm tính tự nguyện, có sự thống nhất của cha mẹ trẻ và không ảnh hưởng đến việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Giải pháp:

Rà soát điều kiện về đội ngũ, chương trình, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và nhu cầu của cha mẹ trẻ trước khi tổ chức.

Tuyên truyền đầy đủ về mục tiêu, nội dung, hình thức, thời lượng và các điều kiện tổ chức; thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, không ép buộc trẻ tham gia.

Lựa chọn hình thức làm quen tiếng Anh thông qua bài hát, trò chơi, câu chuyện, vận động và tình huống giao tiếp đơn giản, phù hợp với từng độ tuổi.

Trường hợp phối hợp với đơn vị cung cấp hoạt động, thực hiện đầy đủ quy trình lựa chọn, thẩm định, báo cáo, xin ý kiến hoặc phê duyệt theo quy định.

Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng và an toàn; đánh giá thông qua mức độ hứng thú, khả năng tham gia và sự tiến bộ của trẻ, không đặt nặng kết quả ghi nhớ kiến thức.

6. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện; quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Nhiệm vụ:

Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, bảo đảm an toàn, thân thiện, xanh, sạch, đẹp, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ và điều kiện thực tế của từng địa điểm trường. Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và học liệu hiện có; từng bước khắc phục những khó khăn, hạn chế về điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục sau sáp nhập.

Giải pháp:

Rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất tại trụ sở chính Tiền Tiến, Phân hiệu Trực Thắng, Điểm trường Tiên Phong và Điểm trường Vạn Thắng; xác định rõ những hạng mục cần sửa chữa, bổ sung, thay thế và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Ưu tiên khắc phục các hạng mục xuống cấp, thấm dột, bong tróc, mối mọt, thiết bị hư hỏng và những nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn của trẻ; chỉ đưa công trình, phòng học, thiết bị vào sử dụng khi bảo đảm các điều kiện theo quy định.

Tiếp tục rà soát tiến độ hoàn thiện, các điều kiện an toàn và phương án khai thác khu cơ sở mới theo kế hoạch được phê duyệt; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để từng bước bổ sung, hoàn thiện điều kiện tổ chức hoạt động.

Chỉ đạo giáo viên bố trí các góc hoạt động khoa học, linh hoạt, có tính mở; tạo cơ hội cho trẻ được lựa chọn, sử dụng, sắp xếp đồ dùng, đồ chơi và tham gia xây dựng môi trường lớp học.

Kiểm kê, phân loại, quản lý thống nhất thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu; xây dựng kế hoạch sử dụng, bảo quản, sửa chữa và bổ sung phù hợp với nhu cầu thực tế, tránh lãng phí và sử dụng kém hiệu quả.

Khuyến khích khai thác nguyên vật liệu tự nhiên, vật liệu tái sử dụng an toàn và sản phẩm do trẻ tạo ra để phục vụ hoạt động giáo dục; không đặt nặng trang trí cầu kỳ, không tổ chức các phong trào làm đồ dùng, đồ chơi mang tính hình thức.

Tăng cường kiểm tra, giám sát môi trường giáo dục; kịp thời sửa chữa, loại bỏ đồ dùng, đồ chơi không bảo đảm an toàn, tạo điều kiện thuận lợi để trẻ được vui chơi, khám phá và phát triển toàn diện.

7. Nâng cao chất lượng đội ngũ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn và bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp

Nhiệm vụ:

Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm và khả năng đổi mới phương pháp của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; xây dựng tập thể đoàn kết, chủ động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học tại nhà trường sau sáp nhập.

Giải pháp:

Rà soát năng lực, nhu cầu bồi dưỡng của đội ngũ; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, tự học, tự bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, dự giờ, thảo luận tình huống sư phạm, chia sẻ kinh nghiệm và tháo gỡ khó khăn trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tăng cường trao đổi chuyên môn giữa giáo viên các địa điểm trường; phát huy vai trò của tổ trưởng, tổ phó chuyên môn trong hỗ trợ đồng nghiệp, hướng dẫn thực hiện chương trình và nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục.

Bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý, xây dựng học liệu và khai thác các công cụ hỗ trợ chuyên môn phù hợp.

Nâng cao đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm nêu gương, văn hóa giao tiếp và ứng xử; xây dựng môi trường làm việc dân chủ, kỷ cương, đoàn kết, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau.

Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá giáo viên theo hướng thực chất, chú trọng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, chất lượng tổ chức hoạt động và sự tiến bộ của trẻ; kịp thời biểu dương, nhân rộng những cách làm tốt.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục

Nhiệm vụ:

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành, thực hiện chương trình giáo dục, quản lý nuôi dưỡng, theo dõi sức khỏe và lưu trữ hồ sơ; bảo đảm thông tin chính xác, thống nhất, kịp thời giữa các bộ phận và địa điểm trường.

Giải pháp:

Thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu trẻ em, đội ngũ, cơ sở vật chất và các thông tin liên quan trên các hệ thống, phần mềm theo quy định.

Khai thác hiệu quả các phần mềm phục vụ quản lý nhà trường, quản lý trẻ, tính khẩu phần ăn, theo dõi sức khỏe, đánh giá sự phát triển của trẻ và quản lý hồ sơ chuyên môn.

Hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo các công cụ số phù hợp với nhiệm vụ; tăng cường chia sẻ thông tin, tài liệu chuyên môn giữa các địa điểm trường.

Thực hiện nghiêm quy định về bảo mật, quản lý và sử dụng dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin cá nhân của trẻ, cha mẹ trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Đẩy mạnh sử dụng hồ sơ, tài liệu điện tử theo quy định; giảm việc lập hồ sơ trùng lặp, hình thức, tạo điều kiện để đội ngũ tập trung nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

9. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Nhiệm vụ:

Phát huy vai trò phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ trẻ, các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ năm học; tạo sự đồng thuận, thống nhất về mục tiêu, nội dung và biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; huy động các nguồn lực hợp pháp, phù hợp để cải thiện điều kiện giáo dục.

Giải pháp:

Tổ chức tuyên truyền, trao đổi thường xuyên với cha mẹ trẻ về nội dung Chương trình giáo dục mầm non, chế độ dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn và rèn luyện kỹ năng cho trẻ.

Duy trì các hình thức trao đổi thông tin trực tiếp, qua họp cha mẹ trẻ, bảng tuyên truyền, nhóm thông tin của lớp và các kênh liên lạc phù hợp; bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, thiết thực.

Phối hợp với cha mẹ trẻ trong theo dõi sức khỏe, tình trạng dinh dưỡng, tâm lý, hành vi và sự phát triển của trẻ; thống nhất biện pháp hỗ trợ trẻ có khó khăn hoặc cần chăm sóc đặc biệt.

Phát huy vai trò của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong phối hợp giám sát chất lượng bữa ăn, công tác bán trú và các hoạt động liên quan đến quyền lợi của trẻ theo đúng quy định.

Chủ động phối hợp với cơ sở y tế, chính quyền địa phương và các lực lượng liên quan trong phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn trường học, tổ chức hoạt động trải nghiệm và giáo dục văn hóa quê hương.

Việc huy động, tiếp nhận và sử dụng các nguồn lực hỗ trợ phải bảo đảm tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng quy định; không áp đặt đóng góp hoặc tạo áp lực đối với cha mẹ trẻ.

10. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá; nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch năm học

Nhiệm vụ:

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; kịp thời phát hiện những hạn chế, khó khăn để điều chỉnh biện pháp chỉ đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà trường.

Giải pháp:

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ phù hợp với nhiệm vụ năm học; tập trung vào việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm an toàn, công tác bán trú, an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe và thực hiện quy chế chuyên môn.

Phân công cán bộ quản lý, tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan kiểm tra, giám sát theo lĩnh vực phụ trách; bảo đảm việc kiểm tra được thực hiện tại cả 4 địa điểm trường.

Kết hợp kiểm tra định kỳ với kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất khi cần thiết; chú trọng quan sát thực tế, kiểm tra minh chứng, trao đổi với giáo viên, nhân viên và đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Sau kiểm tra, thông báo kết quả, chỉ rõ ưu điểm, tồn tại, nguyên nhân và yêu cầu khắc phục; xác định trách nhiệm, thời hạn thực hiện và tổ chức kiểm tra lại đối với những nội dung cần chấn chỉnh.

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trên cơ sở các chỉ tiêu đã đề ra, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sự tiến bộ của trẻ; không chạy theo thành tích, không gây áp lực về hồ sơ, hình thức đối với đội ngũ.

Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn; kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu năm học.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong toàn trường; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc về đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.

Các Phó Hiệu trưởng: Căn cứ nhiệm vụ được phân công, xây dựng kế hoạch triển khai theo lĩnh vực phụ trách; trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các tổ

chuyên môn, nhóm, lớp và các địa điểm trường; kịp thời báo cáo Hiệu trưởng những vấn đề phát sinh và đề xuất biện pháp xử lý.

Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn: Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ; tổ chức sinh hoạt chuyên môn, hướng dẫn giáo viên thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng chuyên môn.

Giáo viên: Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhóm, lớp; tổ chức tốt các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; bảo đảm an toàn, theo dõi sự phát triển của trẻ, phối hợp với cha mẹ trẻ và chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhân viên: Thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm; phối hợp chặt chẽ với cán bộ quản lý, giáo viên và các bộ phận liên quan trong bảo đảm an toàn, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe, tổ chức bán trú, quản lý tài chính và các điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục. Cụ thể:

a) Nhân viên nuôi dưỡng (cấp dưỡng): Thực hiện đúng quy trình bếp ăn một chiều, bảo đảm an toàn thực phẩm; chế biến món ăn đúng thực đơn, đủ định lượng, cân đối dinh dưỡng; giữ gìn vệ sinh bếp, kho và dụng cụ chế biến; phối hợp thực hiện giao nhận thực phẩm, kiểm thực và lưu mẫu thức ăn theo quy định.

b) Nhân viên y tế học đường (giáo viên kiêm nhiệm): Quản lý hồ sơ sức khỏe, theo dõi tình trạng sức khỏe và dinh dưỡng của trẻ; thực hiện y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh trường học; sơ cứu ban đầu, phối hợp xử lý tình huống sức khỏe và tuyên truyền kiến thức chăm sóc trẻ.

c) Nhân viên kế toán: Quản lý, theo dõi các khoản thu, chi phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; thực hiện đầy đủ chứng từ, sổ sách, thanh quyết toán và báo cáo tài chính theo quy định; phối hợp kiểm tra, đối chiếu tiền ăn và các khoản chi bán trú.

d) Nhân viên thủ quỹ: Quản lý quỹ, thực hiện thu, chi đúng quy định và chứng từ hợp lệ; ghi chép, đối chiếu, kiểm kê quỹ đầy đủ, chính xác; bảo đảm an toàn tiền và báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh.

đ) Nhân viên văn thư: Tiếp nhận, xử lý, phát hành và lưu trữ văn bản, hồ sơ theo quy định; thực hiện thống kê, tổng hợp, báo cáo theo phân công; bảo đảm tính chính xác, kịp thời và bảo mật thông tin.

e) Nhân viên bảo vệ: Bảo đảm an ninh, an toàn tài sản và cơ sở vật chất; kiểm soát người ra vào trường, phối hợp bảo đảm an toàn khi đón, trả trẻ; thực hiện trực trường, phòng chống cháy nổ và kịp thời báo cáo nguy cơ mất an toàn.

g) Nhân viên tạp vụ, vệ sinh: Thực hiện vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh, sân trường và khu vực được phân công; thu gom rác thải đúng quy định, giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp; kịp thời phát hiện, báo cáo các nguy cơ gây mất vệ sinh, mất an toàn.

h) Trách nhiệm chung: Thực hiện nghiêm nhiệm vụ được phân công, nội quy và quy chế nhà trường; phối hợp với Ban giám hiệu, giáo viên và các bộ phận liên quan

trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo đảm an toàn cho trẻ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Các bộ phận, đoàn thể và Ban đại diện cha mẹ trẻ: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp triển khai các hoạt động, tuyên truyền, giám sát và huy động sự tham gia phù hợp của gia đình, cộng đồng; góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ năm học.

Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp đã xác định, Trường Mầm non Minh Thái tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa điểm trường; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh biện pháp thực hiện, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu năm học 2026–2027, từng bước nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

IV. LỊCH CÔNG TÁC THÁNG

Thời gian	Nội dung công việc	Bổ sung và điều chỉnh
Tháng 9/2026	- Chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; ổn định nền nếp các nhóm/lớp, thực hiện chế độ sinh hoạt phù hợp từng độ tuổi. - Rà soát cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, khu vực vui chơi, nhà vệ sinh, bếp ăn; phát hiện và khắc phục nguy cơ mất an toàn tại các cơ sở, điểm trường. - Thực hiện nghiêm quy trình giao nhận thực phẩm, kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn; xây dựng thực đơn, khẩu phần ăn phù hợp độ tuổi, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. - Theo dõi sức khỏe, cân đo, chắm biểu đồ tăng trưởng lần 1; phối hợp cha mẹ trẻ chăm sóc trẻ mới ra lớp, phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì. - Kiểm tra việc xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; tổ chức các hoạt động vui Tết Trung thu an toàn, phù hợp độ tuổi.	

Tháng 10/2026	- Chỉ đạo thực hiện Chương trình GDMN; nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động học, chơi, trải nghiệm và giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ. - Kiểm tra công tác bán trú: thực đơn, định lượng khẩu phần, chất lượng bữa ăn, quy trình giao nhận thực phẩm, kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn và vệ sinh bếp ăn. - Theo dõi sức khỏe, giấc ngủ, vệ sinh cá nhân, nền nếp ăn uống; phối hợp cha mẹ trẻ chăm sóc trẻ, phòng chống dịch bệnh theo mùa. - Triển khai chuyên đề “Tăng cường giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương”; hướng dẫn giáo viên khai thác các địa chỉ văn hóa, lịch sử và chợ quê Minh Thái trong hoạt động giáo dục phù hợp độ tuổi. - Sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, kiểm tra kế hoạch giáo dục, môi trường lớp học và việc bảo đảm an toàn cho trẻ.	
Tháng 11/2026	- Tiếp tục nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; chú trọng tổ chức hoạt động lấy trẻ làm trung tâm, phát triển kỹ năng giao tiếp, tự phục vụ và hợp tác. - Kiểm tra việc thực hiện chế độ sinh hoạt, tổ chức ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân; chất lượng bữa ăn, định lượng khẩu phần và công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. - Kiểm tra chuyên đề thực hiện Chương trình GDMN, hồ sơ chuyên môn, đánh giá sự phát triển của trẻ và việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện. - Rà soát nguy cơ tai nạn thương tích, phòng chống bạo hành trẻ em; hướng dẫn giáo viên phòng ngừa và xử trí ban đầu một số tai nạn thường gặp theo hướng dẫn chuyên môn. - Xây dựng Kế hoạch, Rà soát, lựa chọn nguồn giáo viên có năng lực tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, năm học 2026-2027	

	- Hướng dẫn, bồi dưỡng giáo viên được lựa chọn tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; tổ chức thực hành, dự giờ, góp ý và rút kinh nghiệm. - Tiếp tục triển khai chuyên đề giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương; kiểm tra việc tích hợp nội dung văn hóa quê hương vào các hoạt động giáo dục hằng ngày. - Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; tổ chức hoạt động chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 phù hợp, an toàn, tiết kiệm.	
Tháng 12/2026	- Rà soát tiến độ thực hiện Chương trình GDMN học kỳ I; kiểm tra chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục và việc đánh giá sự phát triển của trẻ. - Tăng cường chăm sóc sức khỏe mùa đông, giữ ấm, bảo đảm vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh; điều chỉnh chế độ chăm sóc phù hợp với tình hình sức khỏe của trẻ. - Phối hợp tổ chức cân đo, khám sức khỏe đợt 2; theo dõi biểu đồ tăng trưởng, phát hiện và có biện pháp chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. - Kiểm tra công tác bán trú, an toàn thực phẩm, chất lượng bữa ăn, quy trình chế biến, bảo quản thực phẩm và vệ sinh dụng cụ ăn uống. - Chỉ đạo tổ chức hoạt động giáo dục nhân dịp Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; giáo dục trẻ lòng biết ơn, tình yêu quê hương, đất nước thông qua tranh ảnh, câu chuyện và hoạt động trải nghiệm phù hợp. - Tổ chức cho trẻ tìm hiểu ý nghĩa của Đài Chiến Thắng, Bia khởi nghĩa, Nghĩa trang liệt sỹ và các địa chỉ lịch sử tại địa phương thông qua hình ảnh, video, câu chuyện hoặc hoạt động trải nghiệm có kế hoạch, bảo đảm an toàn.	
Tháng 01/2027	- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ học kỳ I; sơ kết, xác định hạn chế và đề ra giải pháp nâng cao chất lượng học kỳ II.	

	- Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, hướng dẫn giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục; chuẩn bị các điều kiện thực hiện nhiệm vụ học kỳ II. - Chỉ đạo giáo viên đánh giá sự phát triển của trẻ, điều chỉnh kế hoạch giáo dục và biện pháp chăm sóc phù hợp với từng nhóm/lớp. - Kiểm tra nền nếp chuyên môn, chất lượng bữa ăn, khẩu phần, thực đơn, công tác vệ sinh và bảo đảm an toàn trong tổ chức bán trú. - Rà soát sức khỏe, tình hình dinh dưỡng, chuyên cần của trẻ; tăng cường phối hợp với cha mẹ trẻ trong chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh trước Tết Nguyên đán. - Xây dựng phương án bảo đảm an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và tai nạn thương tích trước, trong và sau kỳ nghỉ Tết.	
Tháng 02/2027	- Ổn định nền nếp ăn, ngủ, học tập và vui chơi sau kỳ nghỉ Tết; phối hợp cha mẹ trẻ duy trì chuyên cần, chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh. - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm “Xuân yêu thương, Tết sum vầy”; giáo dục trẻ nét đẹp văn hóa truyền thống, tình yêu gia đình và quê hương. - Tăng cường kiểm tra công tác bán trú, nguồn thực phẩm, chất lượng bữa ăn, vệ sinh bếp ăn, dụng cụ ăn uống và việc thực hiện quy trình bảo đảm an toàn thực phẩm. - Tiếp tục bồi dưỡng giáo viên tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; tổ chức sinh hoạt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ các hoạt động giáo dục hiệu quả. - Kiểm tra nền nếp chuyên môn, việc thực hiện chương trình, tổ chức hoạt động giáo dục và bảo đảm an toàn cho trẻ sau Tết. - Phát động chăm sóc cây xanh, vệ sinh trường lớp, xây dựng môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp; tiếp tục triển khai chuyên đề khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương.	
Tháng 03/2027	- Chỉ đạo nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; tăng cường hoạt động trải nghiệm, phát triển thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ. - Phối hợp cân đo, khám sức khỏe đợt 3; theo dõi biểu đồ tăng trưởng, chất lượng dinh dưỡng và	

	thực hiện biện pháp chăm sóc phù hợp với từng trẻ. - Kiểm tra công tác bán trú, định lượng khẩu phần, chất lượng bữa ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh cá nhân và phòng chống dịch bệnh. - Kiểm tra việc thực hiện chương trình, hồ sơ chuyên môn, đánh giá trẻ và công tác bảo đảm an toàn tại các cơ sở, điểm trường. - Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh theo kế hoạch của Sở GD&ĐT; tổ chức chia sẻ kinh nghiệm sau các hoạt động chuyên môn. - Tổ chức hoạt động chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3 và hội thi “Bé khỏe, bé tài năng” cấp trường phù hợp độ tuổi; tiếp tục sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên và rà soát kết quả thực hiện chuyên đề văn hóa địa phương.	
Tháng 04/2027	- Tiếp tục thực hiện Chương trình GDMN đúng tiến độ; nâng cao chất lượng hoạt động học, chơi, trải nghiệm và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. - Kiểm tra, rà soát các nguy cơ mất an toàn tại lớp học, sân chơi, nhà vệ sinh, bếp ăn; thực hiện các biện pháp phòng chống tai nạn thương tích, bạo hành trẻ em. - Kiểm tra công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, chất lượng bữa ăn và việc thực hiện quy định an toàn thực phẩm. - Đánh giá kết quả chuyên đề “Tăng cường giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương”; chia sẻ, nhân rộng các hoạt động hiệu quả. - Tổ chức chương trình “Tôi yêu Việt Nam”, giáo dục an toàn giao thông và các hoạt động chào mừng ngày 30/4, 01/5 phù hợp độ tuổi. - Rà soát kết quả thực hiện chương trình, hướng dẫn giáo viên chuẩn bị đánh giá trẻ cuối năm và chuẩn bị tâm thế cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi vào lớp Một.	
Tháng 05/2027	- Chỉ đạo hoàn thành Chương trình GDMN đúng tiến độ; đánh giá sự phát triển của trẻ cuối năm, hoàn thiện hồ sơ chuyên môn và báo cáo theo quy định. - Tổng hợp, đánh giá kết quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; xác định ưu điểm, hạn chế và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng năm học tiếp theo. - Kiểm tra, đánh giá công tác bán trú, an toàn thực	

	phẩm, sức khỏe và dinh dưỡng của trẻ; rà soát hồ sơ, minh chứng thực hiện các nhiệm vụ, chuyên đề trong năm học. - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm “Chào mừng ngày sinh nhật Bác” phù hợp với từng độ tuổi. - Phối hợp tổ chức lễ ra trường cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi, hoạt động chào mừng Ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6; bàn giao trẻ 5 tuổi vào lớp Một theo kế hoạch. - Tổng kết chuyên đề giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương; lưu giữ hình ảnh, sản phẩm và minh chứng thực hiện tại các cơ sở, điểm trường. - Khảo sát nhu cầu gửi trẻ trong dịp hè; tham mưu phương án tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ khi có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện.	
--	--	--

Trên đây là Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2026–2027 của Trường Mầm non Minh Thái. Đề nghị các tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên căn cứ nhiệm vụ được phân công nghiêm túc triển khai thực hiện; chủ động phối hợp, thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả và kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc để điều chỉnh phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ trong nhà trường./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH xã (để b/c);
- BGH nhà trường (để chỉ đạo)
- Tổ chuyên môn, GV, NV (để thực hiện);
- Lưu VT.

**T.M BAN GIÁM HIỆU
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hoàn

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN, NỘI DUNG-HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trường mầm non Minh Thái năm học 2026-2027)

I. Độ tuổi mẫu giáo 5-6 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề/Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Trường mầm non (3tuần)	07/09- 11/09/2026	Trường MN Minh Thái	
		14/09 - 18/09/2026	Lớp 5 tuổi thân yêu	
		21/09- 25/09/2026	Một ngày đến trường của bé	
2	Bản thân (4 tuần)	28/09 - 02/10/2026	Bé là ai	
		05/10- 09/10/2026	Cơ thể của bé và 5 giác quan	
		12/10 - 16/10/2025	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	

		19/10 - 23/10/2026	Quá trình lớn lên của bé	
3	Gia đình thân yêu (4 tuần)	26/10 - 30/10/2026	Gia đình và họ hàng của bé	
		02/11 - 06/11/2026	Ngôi nhà thân yêu của bé	
		09/11 - 13/11/2026	Đồ dùng, phương tiện trong gia đình	
		16/11 - 20/11/2026	Nhu cầu gia đình	
4	Nghề nghiệp (4 tuần)	23/11 - 27/11/2026	Một số nghề phổ biến trong xã hội	
		30/11 - 04/12/2027	Nghề sản xuất	
		07/12 - 11/12/2026	Nghề truyền thống và nghề dịch vụ	
		14/12 - 18/12/2026	Bé yêu chú bộ đội	
5	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	21/12 - 25/12/2026	Động vật nuôi trong gia đình	
		28/12 - 01/01/2027	Động vật sống trong rừng	
		04/01 - 08/01/2027	Động vật sống dưới nước	
		11/01 - 15/01/2027	Các loại chim và côn trùng	
6	Thực vật (4 tuần)	18/01 - 22/01/2027	Một số loại hoa, quả	
		25/01 - 29/01/2027	Bé vui đón tết	
		<i>Từ 01/02 đến 12/02/2027</i>	<i>Nghỉ tết Nguyên Đán</i>	
		15/02 - 19/02/2027	Cây xanh và cây lương thực	
		22/02 - 26/02/2027	Một số loại rau, củ	

7	Giao thông	01/03- 05/03/2027	Một số phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt	
		08/03 - 12/03/2027	Một số phương tiện giao thông đường thủy	
		15/03 - 19/03/2027	Một số phương tiện giao thông, đường hàng không	
		22/03 - 26/03/2027	Bé học luật giao thông	
8	Nước và hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	29/03- 02/04/2027	Sự kỳ diệu của nước	
		05/04- 09/04/2027	Một số hiện tượng tự nhiên và thời tiết mùa hè	
		12/04- 16/04/2027	Thời gian và các mùa trong năm	
9	Quê hương, đất nước, Bác Hồ (3 tuần)	19/04 - 23/04/2027	Quê hương yêu dấu	
		25/04- 30/04/2027	Đất nước Việt Nam	
		03/05 - 07/05/2027	Bác Hồ kính yêu	
10	Trường tiểu học (2 tuần)	10/05 - 14/05/2027	Trường Tiểu học Minh Thái	
		17/05- 21/05/2027	Bé sẵn sàng vào lớp 1	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu	Nội dung - Hoạt động	Điều chỉnh, bổ sung
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
A. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		

- MT1: Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. - Các bài tập thể dục kết hợp với lời ca	
B. Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
- MT2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m - Không làm rơi vật trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây	
- MT3: Kiểm soát được vận động: Đi	- Đi bước dòn - Đi thay đổi tốc độ - Đi bằng mép bàn chân, đi khuy gót	

-MT4: Kiểm soát được vận động: Chạy	- Chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) - Chạy thay đổi tốc độ - Chạy chậm	
- MT5: Phối hợp tay - mắt trong vận động(Tung , đập bóng, lăn bóng)	-Tung bóng và bắt bóng -Tung, đập bắt bóng -Lăn bóng bằng hai tay và đi theo bóng	
- MT6: Phối hợp tay - mắt trong vận động(Đập, bắt và ném bóng)	- Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1.5m) - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 – 5 lần liên tiếp	
- MT7: Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong các bài tập tổng hợp: Chạy, nhảy, bò	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây - Bò vòng qua 5-6 điểm đích đặt cách nhau 1,5m theo yêu cầu	
- MT8: Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong các bài tập tổng hợp: Bật, nhảy	- Bật xa 50cm – ném xa bằng 1 tay - Nhảy chụm, tách chân – đập và bắt bóng bằng 2 tay	
-MT9: Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong các bài tập tổng hợp: Ném	- Ném trúng đích đứng (cao 1.5m xa 2m) - Ném xa bằng 2 tay – chạy nhanh 15m	
- MT10: Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong vận động: Bò	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m - Bò đích đặt - Bò qua ống dài	
- MT11: Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong vận động: Trườn, trèo	- Trèo lên xuống 7 gióng thang - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	
- MT12: Phối hợp sự nhanh nhẹn, khéo léo tay, chân – mắt trong vận động: Nhảy bật nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.	- Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40 – 50 cm - Bật – nhảy từ trên cao xuống(cao 40-45cm)	

	- Bật tách khớp chân qua 7 ô - Bật qua vật cản cao 15-20cm - Nhảy lò cò 5m	
C.Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt		
- MT13: Trẻ thể hiện được các vận động	- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay - Gập, mở lần lượt từng ngón tay	
- MT14: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động:	- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối.theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa(phéc mơ tuya)	
- MT15: Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể	- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian - Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút	
*GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
A. Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
- MT16: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:	- Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá..... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	
- MT17: Trẻ nói được tên 1 số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể rán, kho, luộc, gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống	
- MT18: Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn hàng ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	

B. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
- MT19: Thực hiện được một số việc đơn giản:	- Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội, giặt nước cho sạch	
- MT20: Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Khi ăn biết cầm thìa bằng tay phải, tay trái giữ bát, cầm quai cốc khi uống nước	
C. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
- MT21: Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:	- Mời cô và mời bạn khi ăn, ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	
- MT22: Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:	- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	
D. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
- MT23: Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	
- MT24: Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm....là nguy hiểm và nói	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng. - Nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần	

được môi nguy hiểm khi đến gần.		
- MT25: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	- Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	
- MT26: Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu.... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	
- MT27: Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào.....	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
* KHÁM PHÁ KHOA HỌC		
A. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
- MT28: Tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”	- Hay đặt câu hỏi - Thích khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh	
- MT29: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	

thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả.....và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	- Nhìn, sờ, ngửi, nếm, bóp,...để tìm hiểu đặc điểm của con vật, cây cối, hoa quả, đồ vật, phương tiện giao thông...	
- MT30: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận: VD thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới và không tưới, so sánh và theo dõi sự phát triển	- Quan sát phán đoán tính chất của các sự vật hiện tượng (chìm nổi...) - Một số đặc điểm tính chất của nước - Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới và không tưới, so sánh và theo dõi sự phát triển	
- MT31: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	- Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	
- MT32: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2- 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.	
B.Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
-MT33: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng khi quan sát VD: “nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”	
-MT34: Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	
C.Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
-MT35: Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	-Thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	

-MT36:Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	
*LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN		
A.Nhận biết số đếm, số lượng		
- MT37: Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “đây là mấy?”	- Đếm số lượng đồ dùng, đồ chơi	
- MT38: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Nhận biết con số phù hợp Số lượng trong phạm vi 10 và đếm - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	
- MT39: So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	- Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất - So sánh số lượng 3 nhóm đối tượng	
- MT40: Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	- Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	
- MT41: Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau	Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau	
- MT42: Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	Biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	
- MT43: Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày(Số nhà ,biển số xe...)	
B. Sắp xếp theo quy tắc		
- MT44: Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu	- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu	

- MT45: Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại	- So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc	
- MT46: Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Tạo ra quy tắc sắp xếp	
C. So sánh hai đối tượng		
- MT47: Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	
D. Nhận biết hình dáng		
- MT48: Gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế	
E. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
- MT49: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	
- MT50: Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. Ngày trên đồng lịch và giờ trên đồng hồ, thời gian của một ngày.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện trong ngày - Gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm - Nói tên các ngày trong tuần theo thứ tự - Nói được ngày trên đồng lịch và giờ trên đồng hồ	
* KHÁM PHÁ XÃ HỘI		
A. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
- MT52: Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	

- MT53: Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình	
-MT54: Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có).....khi được hỏi, trò chuyện	- Địa chỉ gia đình. (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)....	
- MT55: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; Hoặc(Trường Tiểu học)	
- MT56: Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Biết được công việc của các cô bác trong trường	
- MT57: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường	
B.Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
- MT58: Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. VD; nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới.....”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, sản xuất, dịch vụ, nghề truyền thống của địa phương - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề truyền thống ở nghề nông, nghề dạy học, nghề y ở bệnh viện đa khoa Trục Ninh - Mô phỏng được 1 số thao tác nghề ở Trục Thái	
C. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh		
- MT59: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. VD nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bà mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi	Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. VD nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bà mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên.....”	

- MT60: Kể tên và nêu một vài đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
A. Nghe hiểu lời nói		
- MT61: Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “ Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái”.	- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp.	
- MT62: Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập....)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa	
- MT63: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	
B.Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		
- MT64: Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Kể lại sự việc theo trình tự	
- MT65: Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....phù hợp với ngữ cảnh	-Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....phù hợp với ngữ cảnh	
- MT66: Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn giản, câu ghép khác nhau	
- MT67: Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành	-Một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái.....của nhân vật	

động, tính cách, trạng thái.....của nhân vật		
- MT68: Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao.....	- Đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, hò, về...	
- MT69: Kể có thay đổi một vài tính tiết như thay tên nhân vật, hay thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện ... trong nội dung truyện	- Kể chuyện sáng tạo	
- MT70: Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch	
- MT71: Sử dụng các từ : “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”....phù hợp với tình huống.	Sử dụng các từ : “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”....phù hợp với tình huống.	
- MT72: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	- Điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp , khi người khác đang tập trung làm việc, khi thăm người ốm, nói thầm với bạn, bố mẹ...ở nơi công cộng, khi người khác đang làm việc, nói to hơn khi phát biểu ý kiến...nói nhanh hơn khi chơi trò chơi thi đua, nói chậm lại khi người khác có vấn đề chưa hiểu điều mình muốn truyền đạt	
C.Làm quen với việc đọc – viết		
- MT73: Chọn sách để “đọc”và xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	
- MT74: Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh, theo kinh nghiệm của bản thân - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	
- MT75: Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	- Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ qua các dấu.	

	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách	
- MT76: Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ....)	
- MT77: Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt	- Nhận dạng các chữ cái	
- MT78: Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI		
A.Thể hiện ý thức về bản thân		
- MT79: Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được một số thông tin: tên, tuổi, giới tính, các thành viên trong gia đình, tên trường, tên lớp trẻ học - Nói được địa chỉ nơi ở: Thôn, xóm, xã, huyện, tỉnh, số điện thoại của bố mẹ ...	
- MT80: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được	- Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân - Những điều thích và không thích - Kể được những việc mình có thể làm được, không làm được và giải thích được lý do	
- MT81: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	
- MT82: Biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình	
- MT83: Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	
B.Thể hiện sự tự tin, tự lực		
- MT84: Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi....)	Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi....)	

- MT85: Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao	- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi....)	
C.Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
- T86: Nhận biết được một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói tranh ảnh, âm nhạc	
- MT87: Biết biểu lộ 1 số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau	
- MT88: Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác - Quan tâm chia sẻ, giúp đỡ bạn	
- MT89: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của BH (chỗ ở, nơi làm việc....)	- Nhận ra được hình ảnh của Bác Hồ và biết được 1 số địa điểm gắn với hoạt động của Bác	
- MT90: Thể hiện tình cảm đối với BH qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về BH.	- Kính yêu Bác Hồ	
- MT91: Biết 1 vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn....) của quê hương đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
- MT92 : Thực hiện một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép	- MT92 : Thực hiện một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép	
- MT93: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- MT93: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	
- MT94: Chú ý khi nghe cô, bạn, nói không ngắt lời người khác	- MT94: Chú ý khi nghe cô, bạn, nói không ngắt lời người khác	
- MT95: Biết chờ đến lượt	- MT95: Biết chờ đến lượt	

- MT96: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- MT96: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	
- MT97: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn(dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- MT97: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn(dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	
E. Quan tâm đến môi trường		
- MT98: Bỏ rác đúng nơi quy định.	-Bỏ rác đúng nơi quy định	
- MT99: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa.....)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	
- MT100: Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện nước	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
A.Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
- MT101: Tán thưởng tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn các vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	
- MT102: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc(hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe, đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ ; thích nghe và kể câu chuyện	- Hát nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp theo bài hát, bản nhạc -Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	
- MT103: Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi	Thích quan sát, biết sử dụng các từ chỉ màu sắc, hình dáng, đường nét, bố	

cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng bố cục) của các sản phẩm tạo hình	cực để thể hiện cảm xúc của mình với các sản phẩm tạo hình	
B.Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
- MT104: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm và phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ, cử chỉ...	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	
-MT105: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa...)	-Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	
-MT106: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm	
- MT107: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Biết phối hợp các kỹ năng vẽ: Thẳng, xiên, cong, tròn ... để tạo thành các bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	
- MT108: Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Biết phối hợp các kỹ năng: Cắt theo hình vẽ sẵn, cắt theo ý thích, xé theo hình vẽ sẵn, theo dải ... dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	
- MT109: Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	Biết phối hợp các kỹ năng: xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt ... để tạo thành các sản phẩm có bố cục cân đối	
- MT110: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	Biết phối hợp các kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách ... để tạo ra các sản phẩm tạo hình có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	
- MT111: Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng và bố cục	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét, bố cục	
C.Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		

-MT112: Tự nghĩ ra cách thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra cách thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	
- MT113: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	
- MT114: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	
- MT115: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình	

II. Độ tuổi mẫu giáo 4-5 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề/Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Trường mầm non (3 tuần)	07/09- 11/09/2026	Trường MN Minh Thái	
		14/09 - 18/09/2026	Lớp mẫu giáo 4 tuổi	
		21/09- 25/09/2026	Các hoạt động và đồ dùng, đồ chơi trong lớp	
2	Bản thân (4 tuần)	28/09 - 02/10/2026	Bé là ai	
		05/10- 09/10/2026	Các bộ phận và các giác quan của cơ thể	
		12/10 - 16/10/2025	Trang phục và đồ dùng cá nhân của bé	
		19/10 - 23/10/2026	Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	
3	Gia đình thân yêu (4 tuần)	26/10 - 30/10/2026	Gia đình và những người thân yêu	
		02/11- 06/11/2026	Ngôi nhà thân yêu của gđ tôi	
		09/11 - 13/11/2026	Nhu cầu của gia đình tôi	

		16/11 - 20/11/2026	Đồ dùng trong gia đình	
4	Nghề nghệp (4 tuần)	23/11 - 27/11/2026	Một số nghề phổ biến trong xã hội	
		30/11 - 04/12/2027	Nghề sản xuất	
		07/12 - 11/12/2026	Nghề truyền thống và dịch vụ	
		14/12 - 18/12/2026	Bé yêu chú bộ đội	
5	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	21/12 - 25/12/2026	Động vật nuôi trong gia đình	
		28/12/- 01/01/2027	Động vật sống trong rừng	
		04/01 - 08/01/2027	Động vật sống dưới nước	
		11/01- 15/01/2027	Chim và côn trùng	
6	Thực vật (4 tuần)	18/01- 22/01/2027	Một số loại hoa, quả	
		25/01 - 29/01/2027	Bé vui đón tết	
		<i>Từ 01/02 đến 12/02/2027</i>	<i>Nghỉ tết Nguyên Đán</i>	
		15/02 - 19/02/2027	Cây xanh và cây lương thực	
		22/02 - 26/02/2027	Một số loại rau, củ	
7	Giao thông (4 tuần)	01/03- 05/03/2027	Một số phương tiện giao thông đường bộ	
		08/03 - 12/03/2027	Một số phương tiện giao thông đường thủy	
		15/03 - 19/03/2027	Một số phương tiện giao thông đường hàng không	
		22/03 - 26/03/2027	Bé làm quen luật giao thông	

8	Nước và hiện tượng tự nhiên (4 tuần)	29/03-02/04/2027	Sự kỳ diệu của nước	
		05/04-09/04/2027	Một số hiện tượng tự nhiên	
		12/04-16/04/2027	Thời gian và các mùa trong năm	
		19/04 - 23/04/2027	Mùa hè	
9	Quê hương, đất nước, Bác Hồ (4 tuần)	25/04-30/04/2027	Quê hương yêu dấu	
		03/05 - 07/05/2027	Đất nước Việt Nam tươi đẹp	
		10/05 - 14/05/2027	Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	
		17/05-21/05/2027	Mừng sinh nhật Bác	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu	Nội dung - Hoạt động	Điều chỉnh, bổ sung
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1.1 Phát triển vận động		
<i>a/ Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>		
MT1. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	- Các động tác của bài tập phát triển chung cơ tay vai, bụng, chân, bật nhảy - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn:	

	+ Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. - Bật: tại chỗ, tách chụm, nhảy chân sáo...	
<i>b/ Trẻ thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động</i>		
MT2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Bước đi liên tục trên ghế thể dục + Đi ngang bước dồn, đi bước dồn trước. + Đi trên ghế thể dục đầu đội tui cát - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước tiến lùi liên tiếp khoảng 3 m. - Đi nổi gót bàn chân trước, bàn chân sau .	
<i>c . Trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt</i>		
MT8: Trẻ thực hiện được các vận động	- Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay, - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi	
MT9: Có kỹ năng thực hiện một số vận động tinh Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	Vẽ hình, tô màu tạo ra sản phẩm đơn giản: Hình người, nhà, cây - Tự cài, cởi cúc, kéo phéc mơ tuya, khâu, buộc dây giày... - Tắt đôi sợi, đan, gấp giấy tạo ra sản phẩm đơn giản - Cắt thành thạo theo đường thẳng.	
MT10: Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.	- Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối các khối gỗ, lắp ghép hình.	

1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
<i>a / Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i>		
MT11. Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. Rau, quả chín có nhiều vitamin.	
MT12. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn quen thuộc như: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	
<i>b/ Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>		
MT13. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở Có một số hành vi, kỹ năng vệ sinh tốt	- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng, rửa mặt.... - Vệ sinh răng miệng - Đi dép, giày khi đi học. Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
MT14. Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự phục vụ: cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	
MT13. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng, rửa mặt....	

Có một số hành vi, kỹ năng vệ sinh tốt	- Vệ sinh răng miệng - Đi dép, giày khi đi học. Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
<i>c / Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>		
MT15: Trẻ Có 1 số hành vi lịch sự văn minh, hình thành kỹ năng tốt trong ăn uống tốt giữ gìn sức khỏe	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	
MT16: Trẻ có một số hành vi tốt phòng bệnh khi được nhắc nhở. Có kỹ năng tốt bảo vệ sức khỏe - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản	- Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt, ngã, rơi xuống nước....	
<i>Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>		
MT17: Trẻ biết phòng tránh một số vật dụng và nơi nguy hiểm, không đến gần. - Chấp hành tốt các nội quy của trường của lớp	- Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. - Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch - Không trèo bàn ghế, lan can, tường rào, khôg nghịch các vật sắc nhọn nguy hiểm. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo	
MT18: Trẻ biết phòng tránh một số nơi nguy hiểm, không được chơi gần và có kỹ năng phòng tránh khi được nhắc nhở	- Có kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm: - Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	
MT17: Trẻ biết phòng tránh một số vật dụng và nơi nguy hiểm, không đến gần.	- Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. - Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	

- Chấp hành tốt các nội quy của trường của lớp	- Không trèo bàn ghế, lan can, tường rào, không nghịch các vật sắc nhọn nguy hiểm. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo	
MT18: Trẻ biết phòng tránh một số nơi nguy hiểm, không được chơi gần và có kỹ năng phòng tránh khi được nhắc nhở	- Có kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm: - Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	
MT19: Tập luyện 1 số thói quen tốt trong vệ sinh, ăn uống giữ gìn sức khỏe. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh thân thể, ăn uống phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. .	
MT20: Tập luyện thói quen, hành vi lao động tự phục vụ: lựa chọn đồ dùng, trang phục phù hợp với thời tiết, sở thích cá nhân gọn gàng sạch sẽ và biết nhờ người khác giúp đỡ thay quần áo khi bị bẩn, ướt	- Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. Tự thay quần áo khi bị bẩn, ướt. - Biết tự lựa chọn quần áo phù hợp với thời tiết theo mùa - Ích lợi của việc lựa chọn và mặc trang phục phù hợp với thời tiết theo mùa.	
MT21: Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng quy định.	
MT22: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và biết gọi người giúp đỡ. Không đi theo người lạ. Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc	- Không được nhận quà và đi theo người lạ Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo - Biết tên bố mẹ, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân, Nói được tên, địa chỉ gia đình khi cần thiết. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc.	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.		

2.1 Khám phá khoa học		
a/ Trẻ biết xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng và thể hiện sự hiểu biết bằng các cách khác nhau		
MT23. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo. - Biết tìm hiểu nguyên nhân xảy ra các sự vật hiện tượng đơn giản xung quanh giữa con vật với môi trường sống với sự hướng dẫn của người lớn và đưa ra ý kiến của mình về đối tượng	- Làm thí nghiệm, trải nghiệm thực tế và quan sát nhận xét mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống - Biết đưa ra ý kiến của mình về sự vật hiện tượng xung quanh, biết đặt câu hỏi: Tại sao (con vật bị chết, cây lại héo? lá bị úớt...) - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Một số hiện tượng tự nhiên, thời tiết theo mùa và sự ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Mưa, gió sấm chớp, nắng, nóng, lạnh, đêm ngày, thời tiết theo mùa.... + Nguồn nước, ánh sáng, đất đá cát sỏi...	
MT23. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo. - Biết tìm hiểu nguyên nhân xảy ra các sự vật hiện tượng đơn giản xung quanh giữa con vật với môi trường sống với sự hướng dẫn của người lớn và đưa ra ý kiến của mình về đối tượng	- Làm thí nghiệm, trải nghiệm thực tế và quan sát nhận xét mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống - Biết đưa ra ý kiến của mình về sự vật hiện tượng xung quanh, biết đặt câu hỏi: Tại sao (con vật bị chết, cây lại héo? lá bị úớt...) - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Một số hiện tượng tự nhiên, thời tiết theo mùa và sự ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Mưa, gió sấm chớp, nắng, nóng, lạnh, đêm ngày, thời tiết theo mùa.... + Nguồn nước, ánh sáng, đất đá cát sỏi...	

MT24. Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng.	- Sử dụng các giác quan quan sát, nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	
MT25. Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán Sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	Trẻ làm thử nghiệm như: Pha màu/ đường/muối vào nước, Làm thử nghiệm với cát, nước, vật chìm nổi, vật tan trong nước, không tan trong nước... dự đoán, quan sát, so sánh. Mô tả sự vật, hiện tượng trẻ được quan sát, đưa ra ý kiến nhận xét về đối tượng	
MT26. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau Thể hiện 1 số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai gia đình	- Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh. - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.	
MT27. Nhận xét đặc điểm nổi bật của đối tượng được quan sát, tò mò khám phá và trò chuyện nhận xét về sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Đặc điểm công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi, trang phục... của trẻ, đồ dùng trong gia đình, đồ dùng ở trường, lớp - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các đối tượng	
MT 28: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi, phương tiện theo 1 - 2 dấu hiệu (đồ dùng, đồ chơi, trang phục... của trẻ theo dấu hiệu màu sắc, hình dạng, theo chất liệu, chủng loại...)	
MT29 - Nhận xét đặc điểm nổi bật của các ptgt khi được quan sát, tò mò khám phá và trò	- Đặc điểm nổi bật, công dụng của 1 số phương tiện giao thông, người điều khiển giao thông, nơi hoạt động, bến đỗ, luật giao thông	

chuyện nhận xét. So sánh phân loại ptgt.	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 đối tượng. Phân loại các phương tiện giao thông theo loại hình giao thông, nơi hoạt động.	
M30: Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả gần gũi. So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 đối tượng	- Đặc điểm nổi bật bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi và phân loại theo nhóm. - Ích lợi và tác hại đối với con người So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 đối tượng Phân loại cây, hoa, rau củ quả con vật....	
MT31. Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo, tính chất của nước với cách sử dụng các dụng cụ, đồ dùng, đồ chơi làm thí nghiệm khoa học - Thực hiện thử nghiệm: Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	
MT32: Mô tả sự vật hiện tượng trẻ được quan sát. Thu tập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Thăm quan đi dạo, quan sát và xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	1 số hiện tượng thời tiết theo mùa. Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối và sự ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người khi bị bão, lũ lụt, hạn hán... Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước	
MT33. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	Cách xử lý một số tình huống đơn giản. Các cách thức thích hợp lý để giải quyết vấn đề 1 cách đơn giản Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	
MT34: Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Trẻ biết được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	
2.2 Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
a.Nhận biết số đếm và số lượng		

MT35. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Tìm hiểu và quan tâm đến ý nghĩa chữ số, số lượng, con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. (số nhà, biển số xe...)	
MT36. Đếm đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Nhận biết nhóm số lượng và các thẻ chấm tròn tương ứng, thẻ chữ số trong phạm vi 5, các số thứ tự từ 1-5 đọc chính xác	
MT37: Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự	Nhận biết số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5, chữ số từ 1 – 5	
MT38 So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ "bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn"	- So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ "bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn" - Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự trong phạm vi 5	
MT39. Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	
<i>Nhận biết về màu sắc</i>		
MT40: Nhận biết và gọi tên 4 màu	- Tên gọi, đặc điểm của 4 màu cơ bản: Đỏ, xanh, vàng, tím	
<i>b. Sắp xếp theo quy tắc</i>		
MT41. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của 2,3 đối tượng và sao chép lại	Biết nhận ra quy tắc sắp xếp và sao chép sắp xếp lại theo quy tắc (xếp xen kẽ của 2,3 đối tượng)	
<i>c. So sánh hai đối tượng</i>		
MT42. - So sánh kích thước sắp thứ tự 3 đối tượng và so sánh đọc kết quả	So sánh kích thước 2 đối tượng và sắp thứ tự 3 đối tượng và diễn đạt kết quả chính xác.	

MT43: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, và nói kết quả đo và so sánh đọc kết quả.	Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo.	
d. Nhận biết hình dạng		
MT44. Nhận biết phân biệt hình dạng, hình phẳng, hình khối (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...) Nhận dạng các hình trong thực tế và ghép hình, tạo ra hình mới.	- Phân biệt hình, So sánh và nhận xét được sự giống nhau và khác nhau của các hình: hình tam giác, hình tròn; hình vuông, hình chữ nhật - Nhận biết phân biệt hình, khối hình Dùng các nguyên vật liệu khác nhau, ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT45. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với bản thân và so với người khác theo các hướng trong không gian	Xác định vị trí đồ vật trong không gian so với bản thân và người khác. (trên dưới trước sau, phải trái, trong ngoài...) có sự định hướng	
MT46. Nhận biết thời gian Mô tả sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày, các buổi trong ngày, ngày trong tuần, tuần trong tháng, tháng trong năm. Nhận biết các mùa	- Sử dụng lời nói và hành mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian gắn liền một số sự kiện diễn ra trong ngày: Vd: buổi sáng đi học.... - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. - Nhận biết các ngày trong tuần, các tuần trong tháng, các mùa trong năm và đặc điểm nổi bật của từng mùa.	
2.3. Khám phá xã hội		
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT47. Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân	- Nói được họ và tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích, cảm	

Nói các bộ phận, giác quan trên cơ thể và chức năng của từng bộ phận trên cơ thể.	xúc vui buồn của bản thân khi được hỏi, trò chuyện Nói các bộ phận, giác quan trên cơ thể và chức năng của từng bộ phận, giác quan trên cơ thể.	
MT48. Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình - Biết ngôi nhà mình ở được xây lên bằng gì? - Nhu cầu của gia đình	- Trẻ nói được họ, tên tuổi, sở thích và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Nói địa chỉ của gia đình mình thôn, xóm khi được hỏi, trò chuyện. - Biết ngôi nhà để ở, kiểu dáng ngôi nhà và được xây lên bằng những nguyên liệu gì? - Nhu cầu ăn uống, nhu cầu tình cảm, nhu cầu mua sắm và đồ dùng, phương tiện trong gia đình.	
MT49: Nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi và trò chuyện	- Tên, địa chỉ của trường lớp. - Nhận xét đặc điểm nổi bật về trường lớp, đồ dùng đồ chơi ở lớp và ngoài sân trường mầm non	
MT50. Kể họ tên các bạn, Cô giáo và các cô bác ở trường Mầm Non - Kể một vài đặc điểm nổi bật, công việc, hoạt động của cô giáo, các bạn ở trường.	Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	
<i>b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>		
MT51. Trẻ Kể tên nghề, người làm nghề, đồ dùng dụng cụ, công việc, sản phẩm, ích lợi ... của 1 số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Trẻ biết được nghề nghiệp của bố mẹ.... - Trẻ phân loại, phân nhóm đồ dùng dụng cụ, sản phẩm của nghề theo nhóm.	

c. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT52. Kể tên và nói đặc điểm 1 số ngày lễ hội Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Tên, đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội lớn của quê hương đất nước và một số hoạt động trong ngày lễ hội truyền thống tại địa phương - Tên, đặc điểm nổi bật của một số danh lam thắng cảnh, nơi du lịch sự kiện văn hóa nổi bật của quê hương đất nước Một số cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. VD: Nghĩa trang, Đài chiến thắng - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ:		
a/. Nghe hiểu lời nói		
MT53. Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. Ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”	
MT54. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Lắng nghe và trao đổi trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	
b/. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT55. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó của tiếng việt - Nói đúng đủ câu tiếng việt, rõ ràng	
MT56: Hiểu nghĩa từ khái quát: Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Hiểu nghĩa các từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ Các từ chỉ tên gọi đặc điểm, tính chất, công dụng kích thước của đồ vật sự vật, cây, con, rau, hoa, quả, hiện tượng....., các từ biểu cảm và sử dụng được các từ đó.	
MT57. Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	

MT58 Trẻ chú ý nghe, thích thú đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao ...	- Đọc thuộc các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	
MT59. Trẻ nghe kể chuyện,	Trẻ nghe đọc, kể chuyện và hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Biết trả lời câu hỏi đàm thoại và đặt một số câu hỏi đơn giản theo nội dung truyện.	
MT60: Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	Trẻ xem tranh ảnh, tranh truyện, hình ảnh và mô tả sự vật, hiện tượng, cử chỉ, hành động của nhân vật, hình ảnh trong tranh.	
MT61: Kể lại sự việc theo trình tự. Kể có mở đầu, kết thúc	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết - Trẻ kể lại truyện đã được nghe theo trình tự câu chuyện có sự giúp đỡ của người lớn - Kể chuyện theo tranh Trẻ kể được sự việc có mở đầu, kết thúc	
MT62. Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Trẻ biết mô tả và bắt chước hành động, giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong tranh khi được nghe, nhìn thấy và thể hiện lại. - Kể chuyện sáng tạo. - Trẻ đóng kịch. Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	
MT63. Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp với mọi người xung quanh	- Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	
MT64. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở..	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Trẻ biết khi nào nên nói to và khi nào nên nói bé.	
c/ Làm quen với việc đọc – viết		

MT65. - Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh, “đọc” sách theo tranh minh họa “đọc vẹt”. - Trẻ biết chọn sách để xem theo ý thích của trẻ. - Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau, Giữ gìn và bảo vệ sách. - Làm quen với cách đọc. Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. Đọc truyện qua các hình vẽ, viết chữ tiếng việt Chọn sách để xem		
MT66. Trẻ nhận dạng 1 số chữ cái, nhận biết một số kí hiệu đơn giản thông thường trong cuộc sống xung quanh trẻ.	- Làm quen với 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, biển báo cấm lửa, đường dành cho người đi bộ, bến tàu xe,.... - Tập tô, tập đồ các nét chữ, vẽ ký hiệu riêng - Sử dụng các ký hiệu để ”viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	
4. Lĩnh vực phát triển TCKNXH:		
a/. Thể hiện ý thức bản thân		
MT67. Thể hiện sự quan tâm tới người thân và bạn bè, những người xung quanh.	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của, bản thân, tên bố mẹ. - Trẻ biết yêu quý bản thân, biết quan tâm tới những người thân trong gia đình, bạn bè và những người xung quanh	
MT68. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Những việc làm được và không làm được	
b/. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
* MT69: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Chủ động tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích của mình và chơi cùng bạn trong buổi chơi	
MT70: Biết làm việc cá nhân và phối hợp với bạn	Phối hợp với bạn trong các hoạt động chơi, hoạt động học, hoạt động vệ sinh, lao động	

c/ Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT72. Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. Biết biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc và biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.	
MT73. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ .	- Kính yêu Bác Hồ. - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác qua tranh ảnh... - Bày tỏ tình cảm đối với Bác Hồ qua: Hát múa, Đọc thơ, nghe kể chuyện về Bác Hồ	
MT74. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	
d/ Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT75. Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	- Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải đường, bỏ rác đúng nơi quy định, không để nước tràn khi rửa tay	
MT76. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép: Cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	
MT77. Trẻ chú ý lắng nghe khi cần thiết biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác - Chú ý lắng nghe cô giáo, các bạn nói trong giao tiếp	
MT78. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Một số thói quen nề nếp, chờ đến lượt	

MT79. Trẻ biết trao đổi, thoải thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật) .	-Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm. - Cùng thực hiện các hoạt động chung trong lớp như trực nhật, vui chơi..	
<i>e/ Quan tâm đến môi trường</i>		
MT80. Trẻ Quan tâm đến môi trường, có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường	- Trẻ thích thú và có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh, con vật quen thuộc: không bẻ cành ngắt hoa.... - Trẻ có thói quen bỏ rác đúng nơi quy định.	
MT81. Trẻ tiết kiệm điện, nước..	- Không để tràn nước khi rửa tay, tắt vòi nước sau khi sử dụng. Tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	
2.5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.		
<i>a/ Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</i>		
MT82. Trẻ thể hiện niềm vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
MT83. Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Trân trọng nâng niu, yêu thích giữ gìn bảo vệ cái đẹp - Biểu hiện cảm xúc bằng lời nói, qua tranh ảnh, hát múa về cái đẹp , sản phẩm đẹp	
<i>b/Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</i>		
MT84. Trẻ nghe hát, Chú ý nghe và cảm nhận lời ca giai điệu bài hát bản nhạc	- Nghe cô hát, ca sỹ hát các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca) và cảm nhận lời hát, giai điệu, sắc thái của bài hát, bản nhạc và cùng hưởng ứng (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc	

MT85. Trẻ biết sử dụng phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Trẻ biết tự chọn và phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	
MT86. Trẻ có một số kỹ năng tạo hình đơn giản tạo thành sản phẩm	- Có kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn và phối hợp các nét vẽ tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. - Sử dụng các kỹ năng cắt theo đường thẳng, đường cong, đường dích dắc... Xé dán theo dải, xé bấm.... và xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	
MT87. Trẻ có kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt, làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm	- Sử dụng các kỹ năng làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết, kiểu dáng màu sắc khác nhau.	
MT88. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Trẻ xếp các mô hình: xếp nhà, bếp, ao hồ, đường đi, công viên, xe ô tô, đoàn tàu..... - Xây dựng một số công trình theo chủ đề chơi	
MT89. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. Có ý thức giữ gìn bảo vệ cái đẹp	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét - Đặt tên cho sản phẩm của mình, gọi tên sản phẩm của bạn... - Trưng bày sản phẩm, nhận xét sản phẩm	
c / Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT90: Hát, vận động theo giai điệu bản nhạc, lời ca bài hát quen thuộc Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo nhịp, phách, tiết tấu, vận động múa minh họa, múa theo nhạc). - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	

- Biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Lựa chọn và sử dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát (phách, nhịp, tiết tấu)	
MT91. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích:	

III. Độ tuổi mẫu giáo 3-4 tuổi

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề/Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Trường mầm non (3 tuần)	07/09- 11/09/2026	Trường MN Minh Thái	
		14/09 - 18/09/2026	Lớp mẫu giáo 3 tuổi	
		21/09- 25/09/2026	Đồ dùng, đồ chơi của bé	
2	Bản thân (4 tuần)	28/09 - 02/10/2026 05/10- 09/10/2026	Bé là ai	
		05/10- 09/10/2026	Cơ thể của bé	
		12/10 - 16/10/2025	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	
		19/10 - 23/10/2026	Trang phục và đồ dùng cá nhân của bé	
3	Gia đình thân yêu (4 tuần)	26/10 - 30/10/2026	Gia đình thân yêu	
		02/11- 06/11/2026	Ngôi nhà thân yêu của bé	
		09/11 - 13/11/2026	Những đồ dùng trong gia đình	
		16/11 - 20/11/2026	Nhu cầu của gia đình bé	

4	Nghề nghiệp (4 tuần)	23/11 - 27/11/2026	Nghề xây dựng	
		30/11 - 04/12/2027	Nghề nông	
		07/12 - 11/12/2026	Nghề y	
		14/12 - 18/12/2026	Bé yêu chú bộ đội	
5	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	21/12 - 25/12/2026	Nhóm gia cầm	
		28/12/- 01/01/2027	Nhóm gia súc	
		04/01 - 08/01/2027	Động vật sống trong rừng	
		11/01- 15/01/2027	Động vật sống dưới nước	
6	Thực vật (4 tuần)	18/01- 22/01/2027	Một số loại hoa –quả	
		25/01 - 29/01/2027	Bé vui đón tết	
			<i>Nghỉ tết Nguyên Đán</i>	
		15/02 - 19/02/2027	Cây xanh	
		22/02 - 26/02/2027	Một số loại rau, củ	
7	Giao thông (4 tuần)	01/03- 05/03/2027	Một số phương tiện giao thông đường bộ	
		08/03 - 12/03/2027	Một số phương tiện giao thông đường thủy	
		15/03 - 19/03/2027	Một số phương tiện giao thông đường hàng không	
		22/03 - 26/03/2027	Bé làm quen luật giao thông	
8	Nước và hiện	29/03- 02/04/2027	Các nguồn nước và ích lợi của nước	
		05/04- 09/04/2027	Một số hiện tượng tự nhiên	

	tượng tự nhiên (4 tuần)			
		12/04- 16/04/2027	Bé khám phá ngày đêm	
		19/04 - 23/04/2027	Các mùa trong năm	
9	Quê hương, đất nước, Bác Hồ (4 tuần)	25/04- 30/04/2027	Quê hương em	
		03/05 - 07/05/2027	Đất nước tươi đẹp	
		10/05 - 14/05/2027	Bác Hồ và các cháu thiếu nhi	
		17/05- 21/05/2027	Mừng sinh nhật Bác	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu	Nội dung - Hoạt động	Điều chỉnh, bổ sung
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển vận động		
a. Trẻ biết thực hiện các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp		
MT1 - Trẻ thực hiện được đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Thể hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp, tay, lưng, bụng, lườn chân - Động tác hô hấp: Tập hít vào thở ra. - Các động tác phát triển cơ tay và bả vai: - Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn: - Các động tác phát triển cơ chân: - Bật lên trước, lùi lại, sang bên.	
b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
MT2	- Đi kiễng gót liên tục 3m, đi khụy gối, đi bằng mép bàn chân.....	

- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi chạy	+ Đi bước vào các ô. (TC) + Đi có mang vật trên đầu. Đi có bê vật trên tay. + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi theo đường ngoằn ngoèo, đường dích dắc - Đi ngang bước dồn, đi trên ghế thể dục. - Đi nổi gót, đi tiến lùi, đi trên dây...	
MT3: Trẻ có thể kiểm soát được vận động khi: Thay đổi tốc độ vận động đi/chạy	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy liên tục trong đường dích dắc, đổi hướng theo vật chuẩn. + Chạy theo hướng thẳng. + Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) + Chạy 15m; Chạy chậm; Chạy nhanh	
MT4: Trẻ thực hiện được vận động nhanh nhẹn, khéo léo khi: bò, trườn và trong khi thực hiện bài tập tổng hợp liên hoàn 2 vận động	+ Bò trườn theo hướng thẳng, trong đường hẹp, theo đường dích dắc + Bò, trườn chui qua cổng (dưới dây), chui qua hang. + Bò, trườn qua vật cản. + Bò theo hướng thẳng, dích dắc có mang vật trên lưng.	
MT5: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung, đập, ném, bắt bóng ...	+ Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần không rơi bóng (khoảng cách 2,5cm) + Tự tung bóng lên cao và bắt bóng bằng hai tay. + Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng dọc. Chuyển qua đầu, qua chân. + Lăn bóng cho bạn. Lăn bóng bằng 2 tay tới đích. + Tự đập - bắt bóng tại chỗ được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm) + Ném xa bằng một tay. + Ném xa bằng hai tay. + Ném trúng đích bằng một tay...	
MT6: Trẻ khéo léo thực hiện được vận động bật nhảy, trèo	+ Bật tại chỗ.	

và giữ được thăng bằng theo yêu cầu, kỹ năng bài tập.	+ Bật tiến về phía trước. Bật xa 20 - 25cm. + Trèo qua ghế thể dục, Trèo lên xuống ghế + Trèo lên xuống thang 3-5 giống thang. + Bật ô liên tục qua 3-5 vòng, bật tách chùm + Bật qua vật cản. + Bước lên, bật xuống bậc cao 30cm.	
MT7: Trẻ thực hiện được các vận động: Xoay cổ tay; Gập, đan ngón tay vào nhau.	+ Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. + Chơi các trò chơi dân gian với tay.	
MT8: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ; cắt; xếp chồng; cài, đóng, cời cúc áo.	+ Tập giở sách. + Xếp chồng các hình khối khác nhau (xếp chồng 8 - 10 khối gỗ không đồ). + Đóng, mở nắp chai, lọ, hộp. + Chơi với cát, nước và đất nặn. + Cuộn dây, luồn dây qua lỗ, tết sợi đôi. + Vò giấy, gấp giấy, xé và dán giấy. + Vẽ tự do bằng ngón tay, phấn, bút; vạch xung quanh hình, di màu, Tô, vẽ nguệch ngoạc, vẽ hình tròn theo mẫu. + Sử dụng kéo cắt thẳng được một đoạn 10cm.	
3. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe		
MT9: Trẻ nói được tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, củ, trứng, sữa, rau ...).	+ Nhận biết cốc bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất + Nói được tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh: Thịt, củ, trứng, sữa, rau, quả ...	
MT10: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau	+ Nói được tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau ... + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất	

MT11: Trẻ biết được ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. Chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	+ Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh, và chấp nhận ăn các loại thức ăn khác nhau. + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	
b. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT12: Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt, rửa tay đúng cách. + Tập rửa tay bằng xà phòng. + Vệ sinh răng miệng: súc miệng, đánh răng... - Biết rửa tay lau mặt khi bị bẩn, rửa tay sau khi đi vệ sinh và trước khi ăn - Vệ sinh giữ gìn cơ thể: Tắm gội, thay quần áo, tháo tất, cởi quần, áo. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
MT13 Trẻ thực hiện được một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống, sinh hoạt.	+ Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không nói chuyện nô đùa trong khi ăn, không làm rơi vãi thức ăn, biết che miệng khi hắt hơi, ho... - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt ...; - Không tự lấy thuốc uống; - Biết súc miệng uống nước, lau miệng khi ăn xong	
MT14: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Dạy trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn; cầm ca cốc uống nước không đổ...	
c. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT15: Trẻ biết thực hiện một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh giữ gìn sức khỏe khi được nhắc nhở	+ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. + Biết đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Nhận biết trang phục theo thời tiết.	

MT16: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: (uống nước đã đun sôi...)	+ Ăn uống hợp vệ sinh uống nước đã đun sôi, ăn thức ăn nấu chín không bị ôi thiu, không ăn quả xanh uống nước lã...	
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT17: Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm, hành động nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không an toàn	Tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Nhận biết và phòng tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở. - Biết tránh những nơi nguy hiểm không an toàn (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	
MT18: Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	Không nhận quà và đi theo người lạ. Không ra khỏi khu vực trường lớp. Nhớ số điện thoại của bố mẹ và người thân Nhớ địa chỉ gia đình nơi trẻ ở - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		
a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT19: Trẻ biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	+ Tên giới tính, một vài đặc điểm (Tóc, trang phục, sở thích...) của bé. + Tìm hiểu một số bộ phận cơ thể con người: Tên gọi, đặc điểm nổi bật (cấu tạo đơn giản, số lượng...), chức năng của các cơ quan và một số bộ phận của cơ thể.	
MT20: Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng	- Quan sát tìm hiểu về các sự vật, hiện tượng gần gũi: như chăm chú	

gắn gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	quan sát các sự vật, hiện tượng; đặt câu hỏi về đối tượng quan sát.	
MT21: Trẻ biết đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Đồ vật: Tên gọi, cấu tạo, đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi (ở trường, lớp, gia đình), đồ dùng dụng cụ hàng ngày trong sinh hoạt + Cách sử dụng đúng cách và giữ gìn bảo vệ.	
MT22: Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Động thực vật + Tên gọi, cấu tạo, đặc điểm nổi bật, công dụng, của một số PTGT (Đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không) quen thuộc. + Cách sử dụng đúng cách	
MT23: Trẻ biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	+ Tên gọi, đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật (Sống trong gia đình, sống dưới nước, sống trong rừng, côn trùng, con vật biết bay....), của một số loại cây (cây bóng râm, cây ăn quả, cây cảnh...), của một số loại hoa, của một số loại quả, một số loại rau... + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi	
MT24: Trẻ biết cách phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	+ Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. - Phân loại sự khác và giống nhau về đặc điểm hình dáng màu sắc, kích thước, số lượng ... của đồ vật sự vật, sự khác biệt, thay đổi của các sự vật hiện tượng tự nhiên xảy ra xung quanh	
MT 25: Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở về nội dung theo yêu cầu của cô giáo, người lớn	- Làm một số thí nghiệm đơn giản, quan sát sự vật hiện tượng - Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như	

Thể hiện một số điều quan sát qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh...) - Hát các bài hát về các chủ đề - Dán các hình đơn giản như phương tiện giao thông, con vật...	
MT26: Trẻ hứng thú với việc làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	- Làm thí nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi - Chong chóng gió; Thổi bóng xà phòng...	
MT27: Trẻ thể hiện được một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.	
b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT28: Trẻ biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	+ Tìm hiểu sự nảy mầm của hạt. - Quá trình lớn lên của cây, con, hoa quả.... + - Sự cần thiết của nước, môi trường sống với con người, con vật, cây cối	
MT29: Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi	+ Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	
c. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
MT30: Trẻ biết đặc điểm nổi bật của một số hiện tượng thời tiết; mùa;	+ Tìm hiểu một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh... và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. Sự thay đổi của thời tiết nắng mưa gió bão sấm chớp, nắng, nóng, lạnh, đêm ngày, thời tiết theo mùa.... + Cách ăn mặc phù hợp với thời tiết, giữ gìn sức khỏe khi thời tiết thay đổi. + Tên gọi, đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm.	
MT31: Trẻ biết đặc điểm nổi bật của ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng;	+ Tìm hiểu một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	

	+ Hoạt động của con người, con vật ... ban ngày, và khi đêm đến.	
MT32: Trẻ biết một số nguồn nước trong sinh hoạt, ích lợi của nước với đời sống con người, con vật cây.	+ Tìm hiểu một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. + Tìm hiểu: Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật cây.	
MT33: Trẻ biết một số đặc điểm nổi bật của không khí, ánh sáng;	+ Nhận biết một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. + Ích lợi của một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt của con người, động vật, cây cối.	
MT34: Trẻ biết một số đặc điểm nổi bật của đất đá, cát, sỏi.	+ Tìm hiểu một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
a. Nhận biết số đếm, số lượng		
MT35: Trẻ biết đếm theo khả năng. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Dạy trẻ so sánh, nhận biết số lượng trong phạm vi	
MT36: Trẻ biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	+ Dùng ngón tay để biểu thị số lượng trong phạm vi 5 theo yêu cầu của cô giáo	
MT37: Trẻ biết đếm, gộp hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5, tách (tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn) các nhóm đối tượng trong phạm vi 5.	+ Gộp 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5 và đếm. + Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành các nhóm nhỏ hơn. - Tạo nhóm đồ vật có số lượng theo yêu cầu, tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn	
MT38: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Dạy trẻ Nhận biết 1 và nhiều. - Dạy trẻ so sánh, nhận biết số lượng trong phạm vi 5 + So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5, nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	

MT39: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Trẻ biết đếm vệt từ 1 đến 10.	
b. Sắp xếp theo quy tắc		
MT40: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại (xếp xen kẽ).	- Xếp xen kẽ, xếp chồng, xếp cạnh ... theo quy tắc yêu cầu + Xếp tương ứng 1- 1, ghép đôi. + Xếp theo quy tắc đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	
c. So sánh hai đối tượng		
MT41: Trẻ nhận biết được sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng, biết so sánh về kích thước của 2 đối tượng và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; bằng nhau.	+ So sánh về kích thước của 2 đối tượng và nói được các từ: To hơn - nhỏ hơn; dài hơn - ngắn hơn; cao hơn - thấp hơn; rộng hơn, hẹp hơn và - bằng nhau).	
d. Nhận biết hình dạng		
MT42: Trẻ nhận dạng và gọi đúng tên hình: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật	+ Nhận biết và gọi đúng tên hình: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. + Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.		
MT43: Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	+ Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. + Vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	
3. Khám phá xã hội		
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT44: Trẻ nhận biết được bản thân (Tên tuổi, giới tính).	+ Tên, tuổi, giới tính, ngày sinh nhật của bản thân. + Sở thích của bản thân.	

MT45: Trẻ nhận biết được một số đặc điểm của gia đình (Bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình) khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	+ Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. + Địa chỉ gia đình.	
MT46: Trẻ nhận biết được một số đặc điểm của trường mầm non, lớp mẫu giáo, cô giáo, các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, một số hoạt động của trẻ ở trường.	+ Trẻ biết tên trường, lớp, cô giáo, các bạn, đồ dùng đồ chơi. + Tìm hiểu về lớp mẫu giáo 3 tuổi của bé, tên và công việc của cô giáo và các bạn. + Tìm hiểu về trường mầm non của bé. + Tìm hiểu về đồ dùng, đồ chơi của lớp, trường, các hoạt động của trẻ ở trường.	
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT47: Trẻ biết được một số nghề phổ biến, gần gũi trong xã hội. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	+ Kể tên, nói được sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến: nghề xây dựng, nghề giáo ... khi được hỏi hoặc xem tranh	
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT48: Trẻ biết kể tên và biết được một số danh lam thắng cảnh ở địa phương.	+ Nhận biết, kể tên của một số di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh nổi bật ở địa phương: Đài chiến thắng..... khi được hỏi, xem tranh ảnh, băng hình.	
MT49: Trẻ biết một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa nổi bật ở địa phương khi được hỏi, xem tranh ảnh, băng hình.	+ Tìm hiểu ngày lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày tết nguyên đán... + Lễ hội truyền thống ở địa phương	
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT50: Trẻ biết nghe hiểu và thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	

	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. + Nghe hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản của người lớn “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”..	
MT51: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi.	+ Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: đồ vật, đồ chơi, hoa, quả, quần áo bát thìa... và sử dụng đúng cách	
MT52: Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người khác đối thoại.	- Trẻ biết lắng nghe cô giáo, người lớn hỏi và trả lời câu hỏi đúng nghĩa + Dạy trẻ biết cách trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”... - Trẻ hiểu nội dung ca dao đồng dao hò vè, nội dung câu truyện và trả lời câu hỏi theo nội bài thơ câu truyện đã được nghe	
MT53. Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao Trẻ thích đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, vè...	+ Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè + Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp với độ tuổi.	
MT54: Trẻ biết nghe kể chuyện phù hợp với độ tuổi và biết kể chuyện.	+ Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. + Kể lại chuyện đơn giản đã được nghe có sự giúp đỡ của người lớn. + Kể lại được chuyện dựa theo câu hỏi, theo tranh truyện. - Kể truyện sáng tạo theo trí tưởng tượng của trẻ khi xem tranh. + Bắt chước giọng nói của nhân vật trong chuyện chơi nhập vai đóng kịch	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT55: Trẻ biết phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.	+ Phát âm rõ các tiếng của tiếng Việt: Đồ vật, sự vật hiện tượng, cây, con, rau, hoa quả, phương tiện giao thông.....	

MT56: Trẻ biết diễn đạt, bày tỏ nhu cầu, mong muốn, tình cảm, hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau để người khác hiểu.	+ Bày tỏ tình cảm (yêu, ghét ...), nhu cầu (ăn, ngủ, vệ sinh...) và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.	
MT57: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Dạy trẻ phát âm nói được các từ chỉ tên gọi đặc điểm, hoạt động, tính chất.....của đồ vật sự vật hiện tượng xung quanh	
MT58: Trẻ biết sử dụng đúng từ ngữ, câu biểu thị hành động, sự vật hiện tượng, đặc điểm, hoạt động.	+ Sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. Nói đúng từ ngữ và câu khi diễn đạt phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đặc điểm của đối tượng, sự vật hiện tượng....	
MT59: Trẻ biết thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt trong giao tiếp hàng ngày. chủ động và tự tin trong giao tiếp.	+ Sử dụng từ biểu thị sự lễ phép: “Vâng ạ”, “Dạ”; “Thưa” ... trong giao tiếp. Thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. + Chủ động và tự tin trong giao tiếp.	
MT60: Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	-Dạy trẻ kể lại sự việc đơn giản mà trẻ, gặp và từng trải qua trong cuộc sống sinh hoạt, học tập vui chơi...	
MT61: Trẻ nói rõ đủ nghe, không nói lí nhí.	- Dạy trẻ mạnh dạn tự tin trong giao tiếp nói rõ ràng vừa phải đủ nghe, không la hét, không nói lí nhí	
3. Làm quen với việc đọc – viết		
MT62: Trẻ được làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.	+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ ...).	
MT63: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh. - Trẻ thích được làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.	+ Tiếp xúc với chữ, sách, truyện. + Xem các loại sách khác nhau. + Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và “đọc” truyện. + Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải.	

	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu .	
MT64: Trẻ được làm quen với cách sử dụng sách bút. - Trẻ biết cách giữ gìn, bảo vệ sách.	+ Trẻ thích vẽ, “Viết” nguệch ngoạc tạo thành bức tranh. + Nghe đọc các loại sách khác nhau. + Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh + Giữ gìn, bảo vệ sách: giữ gìn sách khi xem sách, để sách ngay ngắn, đúng nơi quy định sau khi xem xong ...	
PHÁT TIẾN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
Thể hiện ý thức của bản thân		
MT65: Trẻ có ý thức về bản thân.	+ Nói được tên, tuổi, giới tính, ngày sinh nhật của bé; quý trọng bản thân: làm đẹp, giữ gìn các giác quan trên cơ thể. + Nói được những điều bé thích, không thích.	
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT66: Trẻ thể hiện sự mạnh dạn khi tham gia vào các hoạt động và khi trả lời câu hỏi.	+ Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động. + Mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	
MT67: Trẻ thích thể hiện sự cố gắng thực hiện các công việc được giao.	+ Cố gắng thực hiện các công việc được giao (lấy đồ dùng chia phát cho bạn như chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...), xếp gọn đồ chơi, cất đồ dùng sách, bát thìa... theo yêu cầu của cô giáo, người lớn ...	
MT68: Trẻ thích chơi cùng các bạn, không tranh giành đồ chơi.	+ Chơi hòa thuận với bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. + Nhường đồ chơi, không tranh giành đồ chơi với bạn. Biết sử dụng đồ dùng đồ chơi đúng cách	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT69: Trẻ biết cảm nhận và thể hiện được một số trạng	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc của người khác (vui buồn, sợ hãi,	

thái cảm xúc của người khác (vui buồn, sợ hãi, tức giận ...) và có biểu lộ phù hợp	tức giận ...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. + Biểu lộ một số trạng thái cảm xúc (Vui buồn, sợ hãi, tức giận..) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động.	
MT70: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, biết bày tỏ lòng kính yêu đối với Bác	+ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. + Nghe thích kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. + Thể hiện tình cảm kính yêu đối với Bác Hồ qua các hoạt động: hát, đọc thơ về Bác.	
MT71: Trẻ biết quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	+ Tìm hiểu một số di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống gần gũi của quê hương, đất nước. + Thể hiện tình cảm đối với quê hương, đất nước qua các hoạt động: hát, đọc thơ ...	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT72: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình, một số nề nếp văn minh, lịch sự: cất dọn đồ dùng, đồ chơi, vâng lời người lớn	+ Một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. + Có ý thức thực hiện nội quy thu dọn cất và giữ gìn đồ dùng đồ chơi, sắp xếp đồ dùng cất gọn gàng ngăn nắp sau khi chơi.	
MT73: Trẻ biết thể hiện một số hành vi ứng xử phù hợp khi giao tiếp.	+ Cử chỉ, lời nói lễ phép, biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở. + Biết chờ đến lượt. + Chú ý khi nghe cô và bạn nói: Không nói leo, nói tự do khi đang trò chuyện cùng cô và bạn.	
MT74: Trẻ biết yêu mến bố mẹ, anh chị em ruột.	+ Thể hiện tình cảm yêu mến với bố mẹ, anh chị em ruột.	
MT75: Trẻ tham gia cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Trẻ biết chơi hòa thuận với bạn - Rủ bạn cùng tham gia chơi - Giúp đỡ bạn khi cần thiết	

MT76: Trẻ nhận biết được hành vi “Đúng - sai”; “Tốt - xấu”.	+ Nhận biết hành vi “Đúng - sai”; “Tốt - xấu”.	
MT77: Trẻ biết tiết kiệm điện, nước.	+ Tiết kiệm điện, nước.	
5. Quan tâm đến môi trường		
MT78: Trẻ biết giữ gìn bảo vệ môi trường.	+ Giữ gìn vệ sinh môi trường: không khạc nhổ bừa bãi, đi vệ sinh đúng nơi quy định... - Lao động làm vệ sinh nhặt rác, làm cỏ, nhặt lá cây làm sạch môi trường + Biết bỏ rác đúng nơi quy định	
MT79: Trẻ biết một số hoạt động đơn giản để bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối: không ngắt cành bẻ hoa, lau lá cây, tưới cây...	
MT80: Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên.	+ Thích quan sát, ngắm nhìn cảnh vật thiên nhiên...	
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
MT81: Trẻ biết bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật gần gũi.	+ Bộc lộ cảm xúc: sung sướng, vỗ tay ... nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. + Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, thích nghe kể chuyện. + Vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật về màu sắc, hình dạng	

	của các tác phẩm tạo hình. Mong muốn tạo cái đẹp, sản phẩm đẹp	
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT82: Trẻ biết hát thuộc bài hát, đúng giai điệu, lời ca, bài hát. Trẻ biết hát kết hợp với vận động đơn giản:	+ Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. + Vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Nhún nhảy; giậm chân; vỗ tay theo phách, nhịp, tiết tấu; múa vận động minh họa).	
MT83: Trẻ biết thể hiện khả năng sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc - Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm	+ Vận động minh họa, sáng tạo theo ý thích của trẻ khi hát/nghe hát các bài hát, nghe bản nhạc quen thuộc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.... Sử dụng bộ gõ cơ thể, trò chơi cảm thụ âm nhạc....	
MT84: Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc và hưởng ứng	- Trẻ chăm chú thích nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh, đạo cụ âm nhạc... và hưởng ứng	
MT85: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	+ Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm theo sự gợi ý.	
MT86: Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình tạo thành bức tranh đơn giản. - Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra các sản phẩm đơn giản.	+ Thực hiện 1 số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang và phối hợp các nét vẽ, các màu sắc khác nhau tạo thành bức tranh đơn giản. + Thực hiện 1 số kỹ năng xé, cắt, dán: Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. + Thực hiện 1 số kỹ năng nặn: Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối.	
MT87: Trẻ thực hiện được kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	-Xếp nhà, bếp, ao hồ , đường đi, công viên, xe ô tô, đoàn tàu.....	

MT88: Trẻ hứng thú tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích và thể hiện khả năng sáng tạo của trẻ. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Dạy trẻ thích thú khi tạo ra các sản phẩm tạo hình: vẽ, xé dán, nặn, xếp hình, lắp ghép....một số đồ vật, đồ chơi, + Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. sản phẩm của bạn...	
MT89: Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình và đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	+ Nhận xét các sản phẩm tạo hình. + Đặt tên cho sản phẩm của mình.	

IV. Độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng

1. Các chủ đề trong năm học

Gồm 10 chủ đề

STT	Tên chủ đề	Số tuần
1	Bé và các bạn	3
2	Đồ chơi của bé	4
3	Cô và các bác trong nhà trẻ	4
4	Mẹ và những người thân	4
5	Những con vật đáng yêu	4
6	Tết và mùa xuân	3
7	Cây và những bông hoa đẹp	3
8	Phương tiện giao thông	4
9	Mùa hè đến rồi	4
10	Tạm biệt nhóm trẻ	2
Tổng		35 tuần

DỰ KIẾN THỜI GIAN CÁC CHỦ ĐỀ NHƯ SAU

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện lớn trong năm
1	Nhóm trẻ của bé	03	Từ 05/9 - 25/09/2026	- Khai giảng năm học mới - Tết trung thu
2	Đồ dùng đồ chơi	04	Từ 28/09 - 23/10/2026	- Ngày hội của bà, của mẹ...20/10

3	Cô và các bác trong nhà trẻ	04	Từ 26/10 - 20/11/2026	- Ngày Nhà giáo Việt Nam
4	Gia đình	04	Từ 23/11-18/12/2026	- Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, giáng sinh
5	Thế giới động vật	04	Từ 21/12/2026-15/01/2027	- Tết dương lịch
6	Tết và mùa xuân	03	Từ 18/01 - 19/02/2027	(Nghỉ tết 1/02-đến ngày 14/2/2027)
7	Cây và những bông hoa đẹp	3	Từ 22/02- 12/03/2027	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3
8BJD	Giao thông	04	Từ 15/03-09/04/2027	
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên	04	Từ 12/04- 07/05/2027	- Giỗ tổ Hùng Vương, - Ngày lễ 30/04,01/05
10	Bé lên 3 tuổi	02	Từ 10/05 - 21/05/2027	- Ngày sinh nhật Bác Hồ - Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6
	Cộng	35 tuần		

CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện	Lễ hội
1	Nhóm trẻ của bé/ Khai giảng năm học mới	Ôn định nề nếp		01/09 - 05/09/2026	
		Cô giáo và các bạn	1T	07- 11/2026	
		Bé biết nhiều thứ	1T	14 -19/09/2026	
		Nhóm trẻ của bé	1T	21 - 25/09/2026	Trung thu
2	Đồ dùng đồ chơi/ Tết trung thu, Ngày hội của bà, của mẹ	Những đồ chơi quen thuộc gần gũi	1T	28/09- 02/10/2026	
		Những đồ chơi bé thích	1T	05- 09/10/2026	
		Những đồ chơi chuyển động được	1T	12- 16/10/2026	
		Đồ chơi lắp ráp xây dựng	1T	19- 23/10/2026	Ngày hội của bà, mẹ

3	Cô và các bá trong nhà trẻ (Ngày Nhà giáo Việt Nam)	Công việc của các cô trong nhóm trẻ	1T	26/10-30/10/2026	
		Các cô, các bác trong nhóm trẻ, lớp nhà trẻ	2T	02- 13/11/2026	
		Cô giáo của con	1T	16- 20/11/2026	Ngày NGVN
4	Mẹ và những người thân(Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam,	Người thân của bé	2T	23- 27/12/2026	
		Đồ dùng ăn uống trong gia đình	1T	30/12-04/12/2026	
		Đồ dùng gia đình	1T	14- 18/12/2026	
5	Những con vật đáng yêu / Giáng sinh)	Con vật 2 chân	1T	21- 25/12/2026	Ngày QĐNDVN
		Con vật 4 chân	1T	28/12/2026 - 01/1/2027	Tết dương lịch
		Con vật sống dưới nước	1T	04- 08/01/2027	
		Con vật sống trong rừng	1T	11 – 15/01/2027	
6	Tết và mùa xuân / Tết nguyên đán	Một số loại quả bé thích	1T	18- 22/01/2027	
		Tết nguyên đán	1T	25- 29/01/2022	
		Tết nguyên đán 05/02- 08/02 (trước và sau tết 1/02- 12/02)			
		Hoa và mùa xuân	1T	15/02-19/02/2027	
7	Cây và những bông hoa đẹp	Một số cây xanh	1T	22 – 26/02/2027	
		Một số loại rau	1T	01- 05/03/2027	
		Một số loại quả	1T	08- 12/03/2027	Ngày QTPN
8	Phương tiện giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ	1T	15- 19/03 2027	
		PTGT đường thủy	1T	22- 26/03/2027	
		PTGT đường hàng không	1T	29 - 02/04/2027	
		Bé tìm hiểu tín hiệu đèn giao thông	1T	05/04-09/04/2027	
9	Mùa hè đến rồi	Một số hiện tượng của mùa hè	1T	12- 16/04/2027	Giỗ tổ Hùng Vương 10/03
		Trang phục mùa hè	1T	19- 23/04/2027	
		Các hoạt động trong mùa hè	2T	26/04 - 07/05/2027	Nghỉ lễ 30/04 – 01/05

10	Tạm biệt nhóm trẻ	Lớp học 3 tuổi của bé	1T	10- 14/05/2027	Sinh nhật Bác
		Đồ dùng đồ chơi của lớp mẫu giáo	1T	17- 21/05/2026	
Tổng			35T		

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu GD	Nội dung GD	Điều chỉnh bổ sung
1. Giáo dục phát triển thể chất		
21.1 Phát triển vận động		
a/ Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
- MT1: Thực hiện được động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân..	
b/ Trẻ thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động		
MT2. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	* Các vận động cơ bản và phát triển tổ chất vận động ban đầu - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, + Đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Đi bước qua gậy kê cao + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Đi bước vào các ô + Đứng co 1 chân + Chạy theo hướng thẳng + Chạy đổi hướng + Bước lên xuống bậc có vịn - Tập nhún bật:	

	+ Bật tại chỗ. + Nhún bật tại chỗ Bật qua vạch kẻ.	
MT 3. Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m. (Chỉ số 5)	- Tập tung, ném, bắt: + Tung bắt bóng cùng cô + Ném bóng về phía trước + Ném bóng vào đích (Chỉ số 5)	
MT 4. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản.	
MT 5. Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m). (Chỉ số 6)	- Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m). - Ném bóng về phía trước. - Ném bóng vào đích. (Chỉ số 6) - Đá bóng về phía trước.	
c/ Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay.		
MT 6. Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	
MT 7. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chồng, xếp 6-8 khối gỗ - Tập cầm bút tô, vẽ... - Lật mở trang sách.	
d/ Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe: Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.		
MT8. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.	

các loại thức ăn khác nhau.	-Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống.	
MT 9. Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen chuẩn bị chỗ ngủ, ngủ 1 giấc trưa.	
MT 10. Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Luyện thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định	
g/.Thực hiện một số việc tự phục vụ. giữ gìn sức khỏe		
MT 11. Trẻ làm được một số việc tự phục vụ có sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	-Tập tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay rửa mặt. - Tự xúc cơm ăn, uống nước, cài cúc áo có sự giúp đỡ của người lớn. -Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ.	
(Chỉ số 7)	(Chỉ số 7)	
MT 12. Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Luyện tập thói quen tốt giữ gìn sức khỏe: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo , đi dép, cởi quần áo khi bị bẩn, ẩm ướt	
h/ Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.		
MT 13. Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm(Bếp đun, phích nước nóng,xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	-Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần... Như: (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng...)	
MT 14. Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	-Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh như (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...)	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.		
a/.Trẻ biết khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan		
MT 15. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa cất dấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.	

	-Sờ nắn đồ vật đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn, xù xì. -Nếm vị của một số thức ăn, quả(Ngọt, mặn, chua)	
b/.Thực hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.		
MT 16. Trẻ có thể chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Trẻ nói tên đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc..	
MT17. Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Nói tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	
MT 18. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. (Chỉ số 8)	- Nói tên và chức năng chính của một số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. (Chỉ số 8)	
MT 19. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, con vật quen thuộc.	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, con vật quen thuộc..	
MT 20. Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu. (Chỉ số 9)	- Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh...theo yêu cầu. (Chỉ số 9)	
MT21. Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có hình dạng, kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. (Chỉ số 10)	- Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. - Hình tròn - hình vuông . (Chỉ số 10)	
2.1.3.Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
a/.Nghe hiểu lời nói:		

MT 22. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. (Chỉ số 11)	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay. (Chỉ số 11)	
MT 23. Trẻ trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào ?” (Chỉ số 12)	- Nghe các câu hỏi Cái gì? Làm gì? Để làm gì?.... (Chỉ số 12)	
MT24. Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	
b/.Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu.		
MT 25. Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau rõ ràng	
MT26. Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. (Chỉ số 13)	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. (Chỉ số 13)	
MT27. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Đọc bài thơ ngắn có 5- 7 tiếng	
MT28. Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	- Sử dụng lời nói phù hợp với các mục đích khác nhau - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	

MT 29. Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Phát âm đủ to, đủ nghe, sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	
2.1.4. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
a. a) Phát triển tình cảm		
MT 30. Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	-Trẻ nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	
MT31. Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	
b/.Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.		
MT 32. Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	-Thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	
MT33. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	Dạy trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	
MT 34. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	-Thể hiện cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	
MT 35. Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi, biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	
c/.Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		
MT 36. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng. ă : (Chỉ số 14)	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; (Chỉ số 14)	
MT 37. Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác	-Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi và thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). Chơi cạnh bạn, không tranh dành đồ chơi với bạn	

MT 38. Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	-Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.	
d/.Thể hiện cảm xúc qua bài hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.		
MT 39. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	
MT 40. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệt ch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình - Xem tranh...	